



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ “BỎ NGOÀI GIÁ TRỊ SỔ
KẾ TOÁN ĐƯỢC GHI NHẬN TRÊN SAO KÊ 11 TÀI
KHOẢN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA
BÌNH MỞ TẠI NGÂN HÀNG”
(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)**

Cho giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2024

Tháng 10 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ “BỎ NGOÀI GIÁ TRỊ SỔ KẾ TOÁN ĐƯỢC GHI NHẬN TRÊN SAO KÊ 11 TÀI KHOẢN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH MỞ TẠI NGÂN HÀNG”	6 - 13
BÁO CÁO TỔNG HỢP PHÁT SINH TK NỢ 002 THEO MÃ CHỨNG KHOÁN KỂ TỪ NGÀY 01/01/2021 ĐẾN 31/10/2021	14 - 26
BÁO CÁO TỔNG HỢP PHÁT SINH TK CÓ 002 THEO MÃ CHỨNG KHOÁN KỂ TỪ NGÀY 01/01/2021 ĐẾN 31/10/2021	27 - 38
BÁO CÁO TỔNG HỢP PHÁT SINH TK NỢ 002 THEO MÃ CHỨNG KHOÁN KỂ TỪ NGÀY 01/11/2021 ĐẾN 31/12/2024	39 - 51
BÁO CÁO TỔNG HỢP PHÁT SINH TK CÓ 002 THEO MÃ CHỨNG KHOÁN KỂ TỪ NGÀY 01/11/2021 ĐẾN 31/12/2024	52 - 65
THUYẾT MINH BÁO CÁO RÀ SOÁT CÁC GIAO DỊCH PHÁT SINH	66 - 67

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo lưu chuyển tiền tệ “bỏ ngoài giá trị sổ kế toán được ghi nhận trên sao kê 11 tài khoản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình mở tại ngân hàng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2024” (gọi tắt là “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Trần Mỹ Linh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/08/2025
Ông Lê Đình Dương	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25/08/2025
	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/08/2025
Ông Trịnh Thanh Giảng	Thành viên	
Ông Lê Xuân Tùng	Thành viên	
Bà Trần Mỹ Linh	Thành viên	
Ông Nguyễn Phan Trung Kiên	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2025
Ông Lê Trí Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2025

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Phan Trung Kiên	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Trần Mỹ Linh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25/08/2025
Ông Bé Công Sơn	Phó Tổng Giám đốc	

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Dung	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26/06/2025
Ông Đoàn Đức Giang	Thành viên	
Ông Trương Duy Phong	Thành viên	
Ông Trần Hùng Cường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/06/2025

Kế toán trưởng

Bà Đào Thu Thủy

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập báo cáo này là Bà Trần Mỹ Linh – Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ phản ánh trung thực và hợp lý. Trong việc lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hay không;
- Lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo cơ sở kế toán được mô tả tại Thuyết minh số 02 Phần Thuyết minh Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.
- Lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo lưu chuyển tiền tệ phù hợp với việc lập và trình bày Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tại thuyết minh số 02 phần thuyết minh Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo này đã được lập trung thực và hợp lý, phù hợp với cơ sở lập báo cáo được trình bày tại Thuyết minh số 02 - Cơ sở lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ phần Thuyết minh Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



Trần Mỹ Linh

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, 30 tháng 10 năm 2025

Số: 1167/2025/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo lưu chuyển tiền tệ “bỏ ngoài giá trị sổ kế toán được ghi nhận trên sao kê 11 tài khoản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình mở tại ngân hàng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2024” (Sau đây gọi tắt là “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 30/10/2025, trình bày từ trang 06 đến trang 67 kèm theo gồm: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với Bản thuyết minh Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty lập theo cơ sở lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Như được trình bày tại Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tại trang 02 và 03, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo lưu chuyển tiền tệ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo lưu chuyển tiền tệ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo lưu chuyển tiền tệ có trình bày theo cơ sở lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày tại Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kèm theo của Công ty đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ với cơ sở lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày tại Thuyết minh số 02 - Cơ sở lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ phần Thuyết minh Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở kế toán và giới hạn về đối tượng nhận báo cáo

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đến Thuyết minh số 2.3 - Mục đích sử dụng báo cáo: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ này được lập trên cơ sở dòng tiền luân chuyển vào 7.934.211.509.199 đồng và dòng tiền luân chuyển ra 8.254.770.118.388 đồng được ghi nhận theo sổ phụ, sao kê ngân hàng của 11 tài khoản tổng của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình mở tại ngân hàng bỏ ngoài giá trị sổ kế toán theo Thuyết minh số 2.2 - Cơ sở lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Theo đó, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ này chỉ sử dụng cho mục đích cung cấp thông tin để đáp ứng yêu cầu Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình và Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước mà không sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0798-2023-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Hoàng Thị Ngà
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4079-2023-112-1

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ “BỎ NGOÀI GIÁ TRỊ SỔ KẾ TOÁN ĐƯỢC GHI NHẬN TRÊN SAO KÊ 11 TÀI KHOẢN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH MỞ TẠI 5 NGÂN HÀNG”

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2024

(Nguồn dữ liệu: Sao kê, sổ phụ đã có xác nhận của Ngân hàng do Công ty cung cấp)

STT	Nội dung	Giá trị dòng tiền luân chuyển vào tài khoản của Công ty HBS chưa phản ánh trên Bảng cân đối phát sinh	Giá trị dòng tiền luân chuyển ra tài khoản của Công ty HBS chưa phản ánh trên Bảng cân đối phát sinh
I	Tổng giá trị dòng tiền luân chuyển vào số tiền 7.934.211.509.199 đồng và luân chuyển ra 8.254.770.118.388 đồng từ hoạt động kinh doanh của Công ty HBS bỏ ngoài Sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024	7.934.211.509.199	8.254.770.118.388
A	Giá trị dòng tiền luân chuyển vào hoạt động kinh doanh của Công ty HBS bỏ ngoài Sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024	7.233.463.542.249	7.742.003.737.487
1	Giá trị dòng tiền luân chuyển vào hoạt động kinh doanh của Công ty HBS bỏ ngoài Sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024, trong đó: (1) Giá trị dòng tiền luân chuyển vào hoạt động kinh doanh số tiền 2.571.930.582.730 đồng bỏ ngoài Sổ sách kế toán của HBS (2) Giá trị dòng tiền luân chuyển ra từ hoạt động kinh doanh số tiền 2.913.505.799.648 đồng bỏ ngoài Sổ sách kế toán của HBS	2.571.930.582.730	2.913.505.799.648
2	11 Tài khoản chưa phản ánh trên sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024 (1) Giá trị dòng tiền luân chuyển vào hoạt động kinh doanh của HBS số tiền 4.661.532.959.519 đồng. (2) Giá trị dòng tiền luân chuyển ra từ hoạt động kinh doanh của HBS số tiền 4.828.497.937.839 đồng.	4.661.532.959.519	4.828.497.937.839
B	Giá trị dòng tiền luân chuyển vào và luân chuyển ra từ hoạt động môi giới chứng khoán 673 tài khoản cá nhân bỏ ngoài sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024, trong đó: (1) Giá trị dòng tiền luân chuyển vào hoạt động môi giới 673 tài khoản cá nhân số tiền 700.747.966.950 đồng. (2) Giá trị dòng tiền luân chuyển ra từ hoạt động môi giới 673 tài khoản cá nhân số tiền 512.766.380.901 đồng.	700.747.966.950	512.766.380.901

Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

1. Chi tiết giá trị dòng tiền luân chuyển vào số tiền 2.571.930.582.730 đồng và luân chuyển ra 2.913.505.799.648 đồng từ hoạt động kinh doanh trên 08 Tài khoản của Công ty HBS bỏ ngoài Sổ sách kế toán kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024.

STT	Số tài khoản đã phản ánh trên bảng cân đối phát sinh	Giá trị dòng tiền luân chuyển vào tài khoản của Công ty HBS chưa phản ánh trên Bảng cân đối phát sinh	Giá trị dòng tiền luân chuyển ra tài khoản của Công ty HBS chưa phản ánh trên Bảng cân đối phát sinh
A	08 Tài khoản đã phản ánh trên sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024	2.571.930.582.730	2.913.505.799.648
1	BIDV-12211000003189; Từ 25/01/2023 đến 11/05/2023, Đã đóng tài khoản; số dư đầu kỳ 723.066 đồng	543	723.609
2	BIDV-12210003663729 chi nhánh Quang Trung; Từ 04/01/2021 đến 31/12/2021, đã đóng tài khoản 31/12/2022	367.680.049.674	377.813.991.454
3	HDBank-020704070002279 chi nhánh Hoàn Kiếm; Từ 05/01/2021 đến 29/05/2023, đã đóng tài khoản 29/05/2023; số dư đầu kỳ 949.475.864 đồng	203.626.433.790	204.575.909.654
4	HDBank-020704070021358 chi nhánh Hoàn Kiếm; Từ 04/01/2021 đến 30/06/2025, đã đóng tài khoản 03/07/2025; số dư đầu kỳ 593.757.941 đồng	74.851.463.564	74.893.996.221
5	TCB-1910953999011; Từ 20/01/2021 đến 25/12/2021, đã đóng tài khoản 31/05/2023; số dư đầu kỳ 2.337.861 đồng		1.320.000
6	VCB-0301000327778 chi nhánh Hoàng Mai; Từ 05/01/2021 đến 11/05/2023, đã đóng tài khoản 11/05/2023; số dư đầu kỳ 499.745.095 đồng	1.363.161.195.029	1.363.660.940.124
7	VCB-0931004198340 chi nhánh Hoàng Mai; Từ 05/01/2021 đến 25/09/2022 và từ 25/01/2023 đến 11/05/2023, đã đóng tài khoản 11/05/2023; số dư đầu kỳ 59.001.850.854 đồng	93.303.089.672	152.304.962.526
8	BIDV-1220374846-12210000374846 chi nhánh Hà Thành; Từ 04/01/2021 đến 31/12/2024, chưa đóng tài khoản; số dư đầu kỳ 1.865.271.792 đồng; số dư cuối kỳ 194.856.071 đồng	469.308.350.458	740.253.956.060

2. Dòng tiền luân chuyển từ hoạt động môi giới 673 tài khoản cá nhân với luân chuyển vào với số tiền 700.747.966.950 đồng và luân chuyển ra 512.766.380.901 đồng

Và Dòng tiền luân chuyển từ hoạt động kinh doanh của HBS với dòng luân chuyển vào số tiền 4.661.532.959.519 đồng và luân chuyển ra số tiền là 4.828.497.937.839 đồng

STT	Nội dung	Giá trị dòng tiền luân chuyển vào tài khoản của Công ty HBS chưa phản ánh trên Bảng cân đối phát sinh		Giá trị dòng tiền luân chuyển ra tài khoản của Công ty HBS chưa phản ánh trên Bảng cân đối phát sinh	
		Cá nhân	Công ty HBS	Cá nhân	Công ty HBS
A	11 Tài khoản chưa phản ánh trên sổ sách kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024, trong đó: (1) Dòng tiền luân chuyển vào hoạt động kinh doanh của HBS số tiền 4.661.532.959.519 đồng. (2) Dòng tiền luân chuyển vào hoạt động môi giới 673 tài khoản cá nhân số tiền 700.747.966.950 đồng. (3) Dòng tiền luân chuyển ra từ hoạt động kinh doanh của HBS số tiền 4.828.497.937.839 đồng. (4) Dòng tiền luân chuyển ra từ hoạt động môi giới 673 tài khoản cá nhân số tiền 512.766.380.901 đồng.	700.747.966.950	4.661.532.959.519	512.766.380.901	4.828.497.937.839
1	BIDV-12210003663729 chi nhánh Quang Trung; Giai đoạn 2: Sổ chi tiết tài khoản 112 từ ngày 04/01/2022 đến 30/12/2022, rút séc tiền mặt; số dư đầu kỳ 19.406.259.896 đồng		232.284.346.667		212.878.086.771
2	BIDV-12210000688459 chi nhánh Hà Thành; Từ 04/01/2021 đến 11/05/2023, đã đóng tài khoản 11/05/2023; số dư đầu kỳ 1.337.808 đồng	435.022.671.294	741.690.810.534	184.188.407.733	992.523.736.287
3	BIDV-8620024954 chi nhánh Hà Thành; từ ngày 17/05/2024 đến 31/12/2024, Chưa đóng TK; số dư đầu kỳ 0; số dư cuối kỳ 62.709.268 đồng		8.400.385.000		8.463.340.405
4	BIDV-12110000067088; Từ 25/01/2023 đến 11/05/2023, Đã đóng tài khoản; số dư đầu kỳ 770.539 đồng		771.113		574
5	HDBank-020704070000483 chi nhánh Hoàn Kiếm; Từ 05/01/2021 tới 05/07/2022, đã đóng tài khoản 29/05/2023,		206.221.905.900		204.754.341.403
	HDBank-020704070000483 chi nhánh Hoàn Kiếm; Giai đoạn 1: Từ 05/01/2021 tới 05/07/2022 trên sổ phụ sao kê; số dư đầu kỳ 1.467.564.497 đồng		191.381.174.093		189.913.876.036
	HDBank-020704070000483 chi		14.840.731.807		14.840.465.367

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	nhánh Hoàn Kiếm; Giai đoạn 2: Trên sổ chi tiết 112 Từ 06/07/2022 đến 29/05/2022; số dư đầu kỳ 266.440 đồng				
6	VCB-0011004136449 chi nhánh Hoàng Mai; Từ 04/01/2021 tới 31/12/2024, đã đóng tài khoản 04/07/2025; số dư đầu kỳ 1.842.065 đồng	255.320.440.523	1.092.403.669.557	325.986.716.757	1.021.735.551.258
7	VCB-0931004198340 chi nhánh Hoàng Mai; Giai đoạn 2: Trên sổ chi tiết tài khoản 112 từ 25/09/2022 đến 11/05/2023		201.407.778		89.231
8	MBB-6911665959 chi nhánh Sở GD3; Từ 22/09/2022 đến 31/12/2024, đã đóng tài khoản 08/07/2025		1.616.199.126.852		1.616.199.126.852
9	MBB-565959999 chi nhánh Sở GD3; Từ 09/12/2022 tới 31/12/2024, đã đóng tài khoản 08/07/2025	10.404.855.133	447.889.241.107	2.591.256.411	455.702.839.829
10	MBB-5111665995 chi nhánh Sở GD3; Từ 20/09/2022 tới 21/05/2024, đã đóng tài khoản 21/05/2024		288.164.507.969		288.164.507.969
11	MBB-21106178008 chi nhánh Sở GD3; Từ 19/01/2021 đến 21/05/2024, đã đóng tài khoản 21/05/2024; số dư đầu kỳ 469.782 đồng		28.076.787.042		28.076.317.260

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 31/12/2024**

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Số tiền
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Dòng tiền luân chuyển vào từ hoạt động kinh doanh bỏ ngoài sổ sách kế toán	11		7.233.463.542.249
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK BIDV-12211000003189; Từ 25/01/2023 đến 11/05/2023, Đã đóng tài khoản; số dư đầu kỳ 723.066 đồng			543
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK BIDV-12210003663729 chi nhánh Quang Trung; Từ 04/01/2021 đến 31/12/2021, đã đóng tài khoản 31/12/2022			367.680.049.674
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK HDBank-020704070002279 chi nhánh Hoàn Kiếm; Từ 05/01/2021 đến 29/05/2023, đã đóng tài khoản 29/05/2023; số dư đầu kỳ 949.475.864 đồng			203.626.433.790
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK HDBank-020704070021358 chi nhánh Hoàn Kiếm; Từ 04/01/2021 đến 30/06/2025, đã đóng tài khoản 03/07/2025; số dư đầu kỳ 593.757.941 đồng			74.851.463.564
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK VCB-0301000327778 chi nhánh Hoàng Mai; Từ 05/01/2021 đến 11/05/2023, đã đóng tài khoản 11/05/2023; số dư đầu kỳ 499.745.095 đồng			1.363.161.195.029
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK VCB-0931004198340 chi nhánh Hoàng Mai; Từ 05/01/2021 đến 25/09/2022 và từ 25/01/2023 đến 11/05/2023, đã đóng tài khoản 11/05/2023; số dư đầu kỳ 59.001.850.854 đồng			93.303.089.672
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK BIDV-1220374846-12210000374846 chi nhánh Hà Thành; Từ 04/01/2021 đến 31/12/2024, chưa đóng tài khoản; số dư đầu kỳ 1.865.271.792 đồng; số dư cuối kỳ 194.856.071 đồng			469.308.350.458
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK BIDV-12210003663729 chi nhánh Quang Trung; Giai đoạn 2: Sổ chi tiết tài khoản 112 từ ngày 04/01/2022 đến 30/12/2022, Trên , Số tiền liên quan đến 232 tỷ của ô đất TM01 chuyển vào Công ty VMD, rút séc tiền mặt; số dư đầu kỳ 19.406.259.896 đồng			232.284.346.667
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK BIDV-8620024954 chi nhánh Hà Thành; từ ngày 17/05/2024 đến 31/12/2024, Chưa đóng TK; số dư đầu kỳ 0; số dư cuối kỳ 62.709.268 đồng			8.400.385.000
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK BIDV-12110000067088; Từ 25/01/2023 đến 11/05/2023, Đã đóng tài khoản; số dư đầu kỳ 770.539 đồng			771.113
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK HDBank-020704070000483 chi nhánh Hoàn Kiếm; Giai đoạn 1: Từ 05/01/2021 tới 05/07/2022 trên sổ phụ sao kê; số dư đầu kỳ 1.467.564.497 đồng			191.381.174.093
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK HDBank-020704070000483 chi nhánh Hoàn Kiếm; Giai đoạn 2: Trên sổ chi tiết 112 Từ 06/07/2022 đến 29/05/2022; số dư đầu kỳ 266.440 đồng			14.840.731.807
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK VCB-0931004198340 chi nhánh Hoàng Mai; Giai đoạn 2: Trên sổ chi tiết tài khoản 112 từ 25/09/2022 đến 11/05/2023			201.407.778
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK MBB-6911665959 chi nhánh Sở GD3; Từ 22/09/2022 đến 31/12/2024, đã đóng tài khoản 08/07/2025			1.616.199.126.852
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK MBB-5111665995 chi nhánh Sở GD3; Từ 20/09/2022 tới 21/05/2024, đã đóng tài khoản 21/05/2024			288.164.507.969

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)**Cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 31/12/2024**

Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK MBB-21106178008 chi nhánh Sở GD3; Từ 19/01/2021 đến 21/05/2024, đã đóng tài khoản 21/05/2024; số dư đầu kỳ 469.782 đồng			28.076.787.042
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK MBB-565959999 chi nhánh Sở GD3; Từ 09/12/2022 tới 31/12/2024, đã đóng tài khoản 08/07/2025			447.889.241.107
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK VCB-0011004136449 chi nhánh Hoàng Mai; Từ 04/01/2021 tới 31/12/2024, đã đóng tài khoản 04/07/2025; số dư đầu kỳ 1.842.065 đồng			1.092.403.669.557
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK BIDV-12210000688459 chi nhánh Hà Thành; Từ 04/01/2021 đến 11/05/2023, đã đóng tài khoản 11/05/2023; số dư đầu kỳ 1.337.808 đồng			741.690.810.534
Dòng tiền luân chuyển ra từ hoạt động kinh doanh bỏ ngoài sổ sách kế toán	12		(7.742.003.737.487)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK BIDV-12211000003189; Từ 25/01/2023 đến 11/05/2023, Đã đóng tài khoản; số dư đầu kỳ 723.066 đồng			(723.609)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK BIDV-12210003663729 chi nhánh Quang Trung; Từ 04/01/2021 đến 31/12/2021, đã đóng tài khoản 31/12/2022			(377.813.991.454)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK HDBank-020704070002279 chi nhánh Hoàn Kiếm; Từ 05/01/2021 đến 29/05/2023, đã đóng tài khoản 29/05/2023; số dư đầu kỳ 949.475.864 đồng			(204.575.909.654)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK HDBank-020704070021358 chi nhánh Hoàn Kiếm; Từ 04/01/2021 đến 30/06/2025, đã đóng tài khoản 03/07/2025; số dư đầu kỳ 593.757.941 đồng			(74.893.996.221)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK TCB-1910953999011; Từ 20/01/2021 đến 25/12/2021, đã đóng tài khoản 31/05/2023; số dư đầu kỳ 2.337.861 đồng			(1.320.000)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK VCB-0301000327778 chi nhánh Hoàng Mai; Từ 05/01/2021 đến 11/05/2023, đã đóng tài khoản 11/05/2023; số dư đầu kỳ 499.745.095 đồng			(1.363.660.940.124)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK VCB-0931004198340 chi nhánh Hoàng Mai; Từ 05/01/2021 đến 25/09/2022 và từ 25/01/2023 đến 11/05/2023, đã đóng tài khoản 11/05/2023; số dư đầu kỳ 59.001.850.854 đồng			(152.304.962.526)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK BIDV-1220374846-12210000374846 chi nhánh Hà Thành; Từ 04/01/2021 đến 31/12/2024, chưa đóng tài khoản; số dư đầu kỳ 1.865.271.792 đồng; số dư cuối kỳ 194.856.071 đồng			(740.253.956.060)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK BIDV-12210003663729 chi nhánh Quang Trung; Giai đoạn 2: Sổ chi tiết tài khoản 112 từ ngày 04/01/2022 đến 30/12/2022, Trên , Số tiền liên quan đến 232 tỷ của ô đất TM01 chuyển vào Công ty VMD, rút séc tiền mặt; số dư đầu kỳ 19.406.259.896 đồng			(212.878.086.771)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK BIDV-8620024954 chi nhánh Hà Thành; từ ngày 17/05/2024 đến 31/12/2024, Chưa đóng TK; số dư đầu kỳ 0; số dư cuối kỳ 62.709.268 đồng			(8.463.340.405)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)

Cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 31/12/2024

Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK BIDV-12110000067088; Từ 25/01/2023 đến 11/05/2023, đã đóng tài khoản; số dư đầu kỳ 770.539 đồng			(574)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK HDBank-020704070000483 chi nhánh Hoàn Kiếm; Giai đoạn 1: Từ 05/01/2021 tới 05/07/2022 trên sổ phụ sao kê; số dư đầu kỳ 1.467.564.497 đồng			(189.913.876.036)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK HDBank-020704070000483 chi nhánh Hoàn Kiếm; Giai đoạn 2: Trên sổ chi tiết 112 Từ 06/07/2022 đến 29/05/2022; số dư đầu kỳ 266.440 đồng			(14.840.465.367)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK VCB-0931004198340 chi nhánh Hoàng Mai; Giai đoạn 2: Trên sổ chi tiết tài khoản 112 từ 25/09/2022 đến 11/05/2023			(89.231)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK MBB-6911665959 chi nhánh Sở GD3; Từ 22/09/2022 đến 31/12/2024, đã đóng tài khoản 08/07/2025			(1.616.199.126.852)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK MBB-5111665995 chi nhánh Sở GD3; Từ 20/09/2022 tới 21/05/2024, đã đóng tài khoản 21/05/2024			(288.164.507.969)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK MBB-21106178008 chi nhánh Sở GD3; Từ 19/01/2021 đến 21/05/2024, đã đóng tài khoản 21/05/2024; số dư đầu kỳ 469.782 đồng			(28.076.317.260)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK MBB-565959999 chi nhánh Sở GD3; Từ 09/12/2022 tới 31/12/2024, đã đóng tài khoản 08/07/2025			(455.702.839.829)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK VCB-0011004136449 chi nhánh Hoàng Mai; Từ 04/01/2021 tới 31/12/2024, đã đóng tài khoản 04/07/2025; số dư đầu kỳ 1.842.065 đồng			(1.021.735.551.258)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK BIDV-12210000688459 chi nhánh Hà Thành; Từ 04/01/2021 đến 11/05/2023, đã đóng tài khoản 11/05/2023; số dư đầu kỳ 1.337.808 đồng			(992.523.736.287)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	50		(508.540.195.238)

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, KHÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Số tiền
Dòng tiền luân chuyển vào giao dịch chứng khoán bỏ ngoài sổ sách kế toán	11		700.747.966.950
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK MBB-565959999 chi nhánh Sở GD3; Từ 09/12/2022 tới 31/12/2024, đã đóng tài khoản 08/07/2025			10.404.855.133
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK VCB-0011004136449 chi nhánh Hoàng Mai; Từ 04/01/2021 tới 31/12/2024, đã đóng tài khoản 04/07/2025; số dư đầu kỳ 1.842.065 đồng			255.320.440.523
Dòng tiền vào bỏ ngoài sổ sách kế toán TK BIDV-12210000688459 chi nhánh Hà Thành; Từ 04/01/2021 đến 11/05/2023, đã đóng tài khoản 11/05/2023; số dư đầu kỳ 1.337.808 đồng			435.022.671.294

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)**Cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 31/12/2024**

Dòng tiền luân chuyển ra giao dịch chứng khoán bỏ ngoài sổ sách kế toán	12		(512.766.380.901)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK MBB-565959999 chi nhánh Sở GD3; Từ 09/12/2022 tới 31/12/2024, đã đóng tài khoản 08/07/2025			(2.591.256.411)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK VCB-0011004136449 chi nhánh Hoàng Mai; Từ 04/01/2021 tới 31/12/2024, đã đóng tài khoản 04/07/2025; số dư đầu kỳ 1.842.065 đồng			(325.986.716.757)
Dòng tiền chi ra bỏ ngoài sổ sách kế toán TK BIDV-12210000688459 chi nhánh Hà Thành; Từ 04/01/2021 đến 11/05/2023, đã đóng tài khoản 11/05/2023; số dư đầu kỳ 1.337.808 đồng			(184.188.407.733)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		187.981.586.049

**Trần Mỹ Linh****Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Nguyễn Phan Trung Kiên**Người lập**
Nguyễn Thị Loan**Trưởng Ban KSNB**

Căn cứ từ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ nêu trên, Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình đã sử dụng tài khoản ngoại bảng 002: Phản ánh tài sản không thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình: (1) Giúp báo cáo tài chính minh bạch, tránh nhầm lẫn với tài sản thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình. (2) Giúp Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình quản lý chặt chẽ các tài sản mà mình đang quản lý, từ đó giảm thiểu rủi ro. (3) Phù hợp với các quy định của chế độ kế toán Việt Nam, giúp Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình hoạt động đúng pháp luật. (4) Tài khoản 002 - Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường, được sử dụng để phản ánh tài sản không thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình.

**BÁO CÁO TỔNG HỢP PHÁT SINH TK 002 CHƯA PHẢN ÁNH TRÊN SỔ SÁCH
KẾ TOÁN THEO MÃ CHỨNG KHOÁN
TỪ NGÀY 01/01/2021 ĐẾN 31/10/2021**

(Nguồn dữ liệu: Được kết xuất trên hệ thống HOS của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình)

**A. BÁO CÁO TỔNG HỢP PHÁT SINH TK NỢ TK 002 THEO MÃ CHỨNG KHOÁN
KẾ TỪ NGÀY 01/01/2021 ĐẾN 31/10/2021**

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
Tổng giá trị phát sinh Nợ		136.395.551	2.427.807.255.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAA	288.300	4.784.375.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAM	100	1.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAS	374.200	5.459.620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAT	31.800	598.240.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAV	5.000	80.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ABB	1.089.500	19.995.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ABC	5.100	86.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ABS	360.200	7.756.790.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACB	118.200	3.851.595.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACC	58.300	1.050.150.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACG	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACL	5.200	68.105.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACM	319.400	943.710.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACV	17.500	1.278.150.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ADS	10.800	344.770.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AFX	10.500	161.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AGG	87.100	3.208.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AGP	100	1.890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AGR	214.300	2.950.942.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AMD	324.600	1.417.442.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AMS	208.300	3.302.610.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AMV	70.600	941.310.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ANT	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ANV	15.700	446.820.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APC	1.200	25.470.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APG	394.300	4.694.254.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APH	9.400	401.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	API	301.600	12.803.830.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APS	2.152.900	25.462.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ART	306.500	2.238.940.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ASA	1.000	4.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ASD	200	1.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ASM	1.623.200	25.477.560.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ASP	600	7.910.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ATA	100	160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ATB	105.700	227.710.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AVF	27.800	8.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BAB	33.100	974.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCC	126.612	1.573.613.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCE	21.100	286.140.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCG	385.800	7.249.935.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCM	43.700	2.303.990.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCP	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BFC	45.400	942.070.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BHK	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BIC	5.000	141.370.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BID	104.000	4.566.450.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BII	76.300	606.640.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BIO	200	11.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BKG	94.500	996.940.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BMC	2.000	38.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BMI	13.000	411.925.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BNA	8.900	401.140.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BOT	106.800	5.514.960.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BRS	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BSI	108.900	1.667.620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BSR	1.450.000	25.526.740.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BTB	3.000	101.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BTN	5.100	20.320.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BTS	32.800	276.730.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BTW	4	141.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVB	387.856	7.432.662.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVG	7.500	40.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVH	26.800	1.581.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVL	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVS	20.800	535.930.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BWE	3.600	131.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	C32	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	C47	115.500	1.620.965.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	C4G	257.900	2.726.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	C69	163.800	2.014.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CAG	800	25.870.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CAV	5.600	335.880.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CCL	55.800	719.275.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CDN	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CDO	42.500	103.670.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CEI	1.000	593.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CEO	1.191.900	13.207.640.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CHD	7.900	22.806.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CHP	496.800	5.319.605.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CIA	1.100	14.790.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CIG	5.300	28.543.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CII	92.900	1.947.865.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CKD	23.400	78.628.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CKG	729.200	14.033.515.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CLG	50.000	60.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CLX	7.000	148.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMB	14.300	75.296.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMG	500	18.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMS	8.000	29.430.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMW	1.800	5.223.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMX	55.500	835.715.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CNG	2.100	51.920.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CNV	12.000	26.393.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CPD	18.500	65.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CPN	7.100	34.741.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CPW	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CRC	108.900	1.210.727.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CRE	27.900	767.305.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CSB	10.000	24.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CSC	10.000	336.680.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CSM	5.000	89.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CST	8.600	49.015.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CSV	900	34.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTC	611.400	8.321.598.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTD	6.200	446.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTG	822.000	34.615.955.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTI	92.400	1.485.210.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTP	34.700	196.610.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTR	148.900	12.685.620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTS	105.800	1.877.445.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVH	300	296.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVI	19.800	68.963.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVJ	2.800	649.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVN	23.400	80.451.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVP	365.000	5.113.223.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVR	624.100	3.625.223.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	D2D	5.100	323.110.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DAC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DAG	10.800	61.723.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DAH	44.300	282.235.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DBC	61.200	3.643.920.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DBT	2.100	36.855.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DCL	39.300	1.445.880.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DCM	127.200	2.408.705.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DCR	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DCS	12.800	11.240.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DDV	2.230.200	32.412.460.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DGC	64.400	6.069.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DGT	54.100	2.084.620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DGW	400	54.590.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DHA	300	14.705.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DHM	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DIC	30.000	50.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DID	-	-

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DIG	255.900	8.083.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DL1	498.900	4.838.440.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DLG	1.189.600	3.124.795.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DMC	500	26.890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DNM	500	19.350.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DP1	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DPG	13.200	481.820.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DPM	21.300	555.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DPS	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DRC	45.400	1.413.205.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DRH	1.135.200	12.196.524.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DRI	1.600	16.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DS3	10.000	75.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DSC	17.600	250.630.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DST	988.100	4.161.120.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DVN	129.500	2.362.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DXG	445.300	10.106.865.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DXP	13.100	224.730.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DXS	600	16.980.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DXV	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EIB	13.100	310.675.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ELC	10.000	132.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EVE	200	3.040.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EVF	49.100	614.910.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EVG	10.100	103.978.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FCM	4.300	37.856.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FCN	729.700	10.296.090.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FDC	3.400	45.390.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FIC	7.100	77.920.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FID	45.000	264.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FIT	2.575.600	36.844.450.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FLC	971.100	11.618.166.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FMC	200	10.140.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FOX	2.000	158.610.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FPT	85.600	6.844.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FRT	168.900	5.090.445.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FTM	18.700	58.194.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FTS	6.400	109.830.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	G36	363.400	4.288.570.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GAS	16.500	1.462.860.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GDT	400	18.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GEG	40.500	770.450.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GEX	1.179.800	28.745.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GGG	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GIC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GIL	5.000	316.860.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GKM	1.500	31.250.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GMD	61.100	2.336.285.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GMX	6.900	252.540.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GSP	5.100	64.550.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GTN	309.900	7.514.250.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GTT	30.000	18.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GVR	198.400	6.010.480.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAC	6.000	68.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAG	584.200	3.120.795.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAH	60.600	1.512.880.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAI	42.400	170.135.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAP	99.400	1.386.441.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAR	208.500	1.419.026.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAX	7.000	162.250.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HBC	419.100	6.547.315.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HBS	1.266.500	8.842.380.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HCC	2.000	21.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HCD	1.800	10.942.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HCM	339.300	12.820.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HD2	500	4.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HDB	320.400	9.694.020.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HDC	5.500	230.330.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HDG	111.700	5.526.720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HEM	51.431	775.130.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HHG	5.000	13.260.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HHP	2.000	29.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HHS	1.173.600	8.810.244.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HHV	320.800	6.606.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HID	230.200	1.324.876.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HII	12.100	250.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HKB	10.000	20.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HLA	3.000	2.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HLD	7.700	249.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HMC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HMH	500	8.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HND	3.400	72.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HNG	1.495.700	16.765.234.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HNM	19.100	153.670.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HOM	15.900	98.270.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HPG	1.314.300	70.029.960.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HPU	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HPX	500	17.650.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HQC	1.908.800	6.567.862.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HSG	372.900	15.357.720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HSL	100	658.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HT1	58.200	1.162.270.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HTI	7.000	119.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HTM	500	6.990.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HTN	92.800	4.596.070.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HTP	27.500	569.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HTT	40.000	70.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HU4	2.900	45.850.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HUB	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HUT	373.300	3.253.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVG	337.800	1.016.320.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVH	900	9.045.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVN	54.300	1.420.955.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVX	600	3.193.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IBC	26.500	665.175.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ICF	3.000	10.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ICG	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ICT	1.000	23.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IDC	1.104.800	56.367.310.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IDI	457.600	3.317.460.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IDJ	533.900	11.296.980.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IDV	10.600	752.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IJC	3.463.000	103.260.095.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ILA	6.000	45.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ILB	1.500	35.175.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IPA	34.100	2.020.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITA	4.516.800	31.407.309.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITC	172.200	3.803.715.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITD	4.900	89.825.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITQ	75.100	445.210.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	JVC	2.217.900	11.505.255.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KBC	356.500	13.709.665.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KDH	137.000	4.518.705.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHB	427.900	876.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHD	28.700	371.410.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHG	318.100	4.580.835.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KKC	5.000	65.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KLB	2.700	60.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KLF	341.700	1.172.780.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KMR	82.400	619.339.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KMT	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KSB	214.700	6.331.320.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KSF	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KSH	6.218.564	16.729.409.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KSQ	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KVC	10.900	38.520.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	L14	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	L18	14.200	370.190.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LAS	325.700	5.249.320.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LCG	1.410.200	20.795.390.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LCM	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LCS	90.300	310.620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LDG	740.800	6.289.735.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LDP	4	40.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LGL	7.000	48.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LHG	20.300	888.695.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LIG	1.192.800	10.609.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LMH	54.000	149.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LPB	2.195.200	49.262.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LSS	7.600	78.955.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LTG	26.200	925.870.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LUT	5.100	36.770.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MAC	600	3.480.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MBB	1.163.300	34.546.395.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MBG	393.800	2.746.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MBS	71.900	2.071.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MCF	5.000	44.170.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MCG	7.900	32.782.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MCH	2.300	290.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MCM	11.600	645.570.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MFS	5.000	164.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MHC	6.786.400	79.610.261.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MIG	45.900	919.225.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MML	50	2.705.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MPC	4.800	163.810.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MPT	680.400	1.667.780.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MSB	994.700	27.523.090.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MSH	1.100	46.720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MSN	18.300	1.874.280.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MSR	285.930	6.066.007.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MST	164.500	1.897.380.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MVB	6.200	155.050.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MVC	3.000	45.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MWG	14.200	1.983.690.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NAB	3.900	94.460.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NAF	2.400	56.070.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NAG	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NBB	5.300	222.860.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NBC	4.300	46.480.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NCS	282.800	4.832.250.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NCT	500	35.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NDC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NDN	101.600	2.260.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NDT	100	2.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NED	309.400	3.218.990.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NET	500	36.150.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NHA	700	22.040.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NHH	28.000	1.086.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NHP	74.400	178.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NKG	131.200	5.145.870.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NLG	114.000	4.731.010.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NNC	1.100	26.990.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NRC	1.000	25.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NS2	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NSH	1.200	13.720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NSS	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NT2	59.100	1.341.120.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NTB	9.000	3.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NTL	29.700	819.730.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NTP	1.000	61.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NVB	93.900	1.621.050.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NVL	23.600	1.923.190.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NVT	200	1.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	OCB	599.900	14.455.245.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	OGC	288.000	1.963.807.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	OIL	61.300	811.040.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ONE	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ORS	15.400	423.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PAN	7.508	237.514.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PAS	215.200	3.181.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PC1	2.300	83.810.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PCF	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PCG	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PCT	100	890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PDR	40.200	3.580.470.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PEG	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PET	126.500	2.780.175.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PFL	123.700	494.410.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGB	27.600	594.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGC	1.000	17.550.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGN	5.000	101.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGS	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGV	1.000	18.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PHC	10.000	171.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PHP	1.300	28.730.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PHR	20.500	1.225.790.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PIC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PJT	1.100	14.565.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PLC	5.000	143.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PLP	38.800	405.510.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PLX	27.600	1.458.860.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PMB	1.000	12.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PMG	858.178	14.536.463.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PND	200	3.740.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PNJ	22.600	2.200.650.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	POM	58.400	1.005.185.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	POW	805.700	10.197.940.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PPC	2.000	51.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PPH	3.400	137.610.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PPI	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PPS	500	6.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PRE	1.400	24.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PRT	4.300	55.280.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSD	21.000	391.720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSG	5.700	9.910.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSH	22.600	418.615.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSI	12.200	140.570.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSP	2.800	25.480.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSW	7.200	92.010.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTB	4.400	413.570.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTD	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTG	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTL	16.900	140.492.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PV2	48.400	238.170.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVB	168.600	3.386.430.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

 Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
 phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVC	251.000	2.671.570.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVD	833.700	18.949.980.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVE	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVG	48.700	637.450.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVI	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVL	254.300	682.940.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVM	48.100	1.097.630.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVO	700	6.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVP	9.400	138.330.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVS	1.143.849	26.978.151.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVT	377.900	7.708.975.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVV	48.100	92.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVX	84.500	178.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PWA	300	4.230.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PXI	400	1.168.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PXL	500	5.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PXS	2.000	12.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QBS	157.100	560.875.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QCG	9.000	76.035.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QNC	200	2.140.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QNS	27.100	1.375.640.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QTP	201.400	3.167.890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	RAL	1.600	283.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	REE	17.100	984.690.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	RIC	8.000	222.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ROS	4.184.100	22.188.379.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	S74	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	S99	3.397.810	80.286.045.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SAB	1.000	166.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SAM	367.900	4.452.070.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SAV	2.200	57.930.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SBL	100	1.050.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SBS	69.200	848.760.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SBT	175.400	3.827.180.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCG	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCI	1.943.700	96.794.180.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCL	200	3.320.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCR	810.900	7.809.991.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCS	500	65.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD5	7.100	84.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD6	600	2.640.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD9	3.900	63.180.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDA	345.300	4.203.570.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDD	11.700	55.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDP	1.000	4.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SEA	400	10.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SFG	9.400	136.055.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGB	2.000	28.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGO	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGP	55.000	959.840.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGS	100	1.680.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGT	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHA	3.100	22.341.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHB	2.777.500	72.113.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHI	400	5.650.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHN	10.335	103.787.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHS	434.100	13.643.460.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SID	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SIP	400	85.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJD	1.000	18.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJF	3.159.900	11.108.566.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJM	10.000	46.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJS	6.400	270.145.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SKG	10.400	128.790.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SMC	29.900	1.269.590.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SMT	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SNZ	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SPM	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SRA	54.200	508.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SSB	5.300	201.370.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SSI	384.400	17.039.230.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SSN	15.400	100.260.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	STB	945.300	24.719.070.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SVD	4.100	45.896.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SVN	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SVT	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SWC	13.800	399.690.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SZB	5.000	182.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SZC	40.600	1.683.765.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TAR	195.000	4.544.110.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TBC	1.000	25.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TBD	1.000	89.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TC6	13.000	122.550.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCB	811.300	35.909.740.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCD	175.700	3.116.020.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCH	4.016.800	80.432.485.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCI	1.200	14.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCL	300	9.340.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCR	500	2.210.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCW	1.100	32.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDC	106.600	2.103.645.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDG	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDH	156.500	1.420.734.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDM	29.800	836.255.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDN	900	13.410.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDS	500	12.850.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDT	3.000	36.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TEG	253.400	3.467.445.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TGG	18.700	87.344.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	THD	300	48.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TID	27.700	850.510.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TIG	1.042.000	9.443.070.000

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TIP	6.000	286.090.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TIS	500	7.250.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TKU	300	11.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TLD	188.400	1.356.018.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TLG	700	27.720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TLH	422.500	7.411.125.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TLP	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TMP	500	24.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNA	10.600	138.550.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNG	141.000	3.384.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNH	106.000	3.005.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNI	567.200	2.691.899.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNT	54.400	156.845.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TOS	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TPB	111.500	3.643.655.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TPC	100	1.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TPH	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TSC	615.800	10.082.335.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTA	4.200	64.545.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTB	57.000	424.619.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTE	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTF	2.235.500	16.558.753.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTH	211.100	782.780.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTN	400	6.460.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTZ	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TV2	3.000	172.460.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TV6	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVB	29.100	389.840.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVC	40.500	616.630.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVD	74.600	1.050.150.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVN	101.000	1.335.760.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVU	1.100	11.880.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TXM	3.200	17.920.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TYA	5.900	99.710.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	UDC	100	590.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	V11	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	V15	2.200	1.540.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VBB	35.000	584.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC1	100	990.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC2	700	12.180.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC3	34.300	840.650.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCA	4.800	84.480.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCB	11.200	1.121.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCG	400	17.870.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCI	253.100	15.500.740.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCR	49.000	1.374.140.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCS	13.800	1.565.090.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VDP	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VDS	111.000	1.617.310.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VE8	3.200	30.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VEA	13.100	571.230.000

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VEF	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VET	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VFS	19.400	203.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VGC	873.400	25.774.190.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VGI	57.620	2.525.186.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VGS	98.200	2.963.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VGT	669.300	12.576.240.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHC	58.800	2.519.070.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHD	100	1.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHE	77.500	526.410.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHG	981.500	3.970.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHM	53.400	5.381.660.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIB	19.600	888.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIC	28.000	2.966.120.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIG	55.700	368.470.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIP	99.200	977.621.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIS	100	1.850.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIX	9.188.800	289.951.090.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VJC	200	23.040.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VKC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VLB	500	24.250.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VLC	1.100	41.530.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VMC	10.900	111.720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VMD	43.200	1.000.650.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNA	4.700	79.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNB	104.800	1.967.390.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VND	32.400	1.469.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNE	242.900	2.287.392.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNH	8.100	28.770.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNM	41.000	3.781.970.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNP	79.600	920.270.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNR	800	20.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNX	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VOC	110.800	2.869.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VOS	158.000	795.838.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPB	556.600	30.811.665.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPC	100	110.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPG	284.900	11.279.265.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPH	86.300	578.884.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPI	61.600	2.126.520.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VRC	33.600	371.143.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VRE	475.900	15.205.980.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VRG	22.000	608.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VSC	2.000	122.490.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VSG	100	470.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTB	4.400	52.170.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTD	92.100	1.239.510.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTO	85.900	1.061.860.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTP	3.600	353.310.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTV	1.100	9.230.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	WSS	9.000	46.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	XMC	1.200	16.110.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	XPH	16.300	171.660.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	YBM	2.000	16.210.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	YEG	2.500	39.785.000

**BÁO CÁO TỔNG HỢP PHÁT SINH TK 002 CHƯA PHẢN ÁNH TRÊN SỔ SÁCH
KẾ TOÁN THEO MÃ CHỨNG KHOÁN
TỪ NGÀY 01/01/2021 ĐẾN 31/10/2021**

(Nguồn dữ liệu: Được kết xuất trên hệ thống HOS của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình)

**B. BÁO CÁO TỔNG HỢP PHÁT SINH TK CÓ TK 002 THEO MÃ CHỨNG KHOÁN
KẾ TỪ NGÀY 01/01/2021 ĐẾN 31/10/2021 (TIẾP)**

Tài khoản	Mã CK	PS Có SL Bán	PS Có Trị giá bán
Tổng giá trị phát sinh Có		134.891.436	2.473.353.528.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAA	283.500	4.572.910.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAM	100	1.075.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAS	442.200	5.646.810.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAT	21.800	404.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAV	5.724	88.423.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ABB	1.011.600	18.881.540.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ABC	5.100	81.240.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ABS	155.200	3.349.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACB	181.800	6.065.075.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACC	55.300	956.165.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACL	200	2.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACM	302.500	1.172.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACV	17.500	1.258.570.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ADS	1.000	14.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AFX	10.500	147.450.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AGG	77.100	2.754.855.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AGP	100	1.890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AGR	211.500	3.059.125.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AMD	349.900	1.514.652.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AMS	160.400	2.912.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AMV	123.100	1.429.890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ANV	15.700	480.935.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APC	1.200	25.895.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APG	423.500	4.821.897.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APH	1.400	67.380.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	API	113.700	4.722.910.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APS	2.199.800	32.774.660.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ART	307.700	2.253.840.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ASD	100	700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ASM	2.285.100	38.032.675.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ASP	600	8.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ATA	100	170.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ATB	2.000	6.820.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ATS	300	10.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AVF	27.600	11.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BAB	33.700	912.650.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCC	128.452	1.802.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCE	18.400	269.530.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCG	366.100	6.465.735.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCM	71.300	3.865.200.000

Tài khoản	Mã CK	PS Có SL Bán	PS Có Trị giá bán
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BED	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BFC	48.900	1.098.085.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BIC	2.000	41.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BID	81.900	3.499.760.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BII	75.220	607.620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BIO	200	13.270.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BKG	93.500	1.029.445.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BMC	2.000	30.340.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BMI	34.200	1.062.055.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BNA	8.900	435.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BOT	146.300	8.777.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BRC	3.800	60.260.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BSI	103.100	1.665.345.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BSR	1.394.800	25.050.240.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BTD	3.000	106.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BTN	5.100	17.520.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BTP	200	2.940.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BTS	25.100	217.460.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVB	282.156	5.729.384.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVG	7.500	46.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVH	25.700	1.523.860.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVS	19.200	506.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BWE	3.600	127.660.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	C32	6.600	181.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	C4G	224.584	2.347.099.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	C69	342.900	4.352.960.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CAD	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CAP	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CAV	5.600	386.920.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CCA	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CCL	55.600	761.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CDO	42.500	162.950.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CEI	1.000	410.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CEO	1.189.800	12.525.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CHD	7.900	33.022.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CHP	381.700	4.428.473.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CIA	1.100	15.350.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CIG	5.300	31.490.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CII	87.900	1.843.630.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CKD	9.000	35.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CKG	729.000	14.454.020.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CKV	500	6.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CLG	25.000	45.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CLX	7.000	169.430.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMB	14.300	85.107.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMG	500	18.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMI	800	1.520.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMS	8.000	26.026.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMX	14.000	219.255.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CNG	2.100	85.940.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CNV	12.000	31.680.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

 Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
 phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tài khoản	Mã CK	PS Có SL Bán	PS Có Trị giá bán
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CPD	18.500	51.980.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CPN	6.600	32.162.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CRC	46.800	455.379.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CRE	17.900	477.305.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CSB	10.000	29.845.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CSC	16.300	566.210.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CSM	5.000	95.945.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CST	8.600	80.481.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CSV	900	38.450.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTC	606.200	8.670.536.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTD	5.000	330.230.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTG	767.600	31.647.795.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTI	94.400	1.527.645.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTP	62.400	301.070.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTR	137.966	12.141.275.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTS	103.400	1.703.425.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVH	300	264.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVI	2.900	5.531.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVJ	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVN	23.300	59.540.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVP	345.000	5.727.992.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVR	247.700	772.731.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVT	3.800	178.770.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	D2D	1.700	94.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DAG	15.000	91.186.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DAH	46.900	285.044.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DBC	47.700	2.730.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DBT	1.000	17.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DCL	29.300	1.049.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DCM	170.600	3.243.755.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DCS	14.800	13.760.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DDV	2.224.200	31.144.260.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DGC	88.000	8.513.510.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DGT	26.600	1.093.710.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DGW	500	62.390.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DHA	300	14.190.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DIC	20.000	40.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DID	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DIG	246.600	7.634.680.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DLI	413.200	4.687.390.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DLG	2.232.900	5.034.341.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DMC	500	27.620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DNM	500	19.450.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DPG	13.200	533.655.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DPM	22.200	642.710.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DRC	44.200	1.423.880.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DRH	1.183.500	13.852.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DRI	11.600	109.070.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DSC	17.600	295.610.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DST	1.001.500	4.141.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DVN	151.000	3.206.350.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tài khoản	Mã CK	PS Có SL Bán	PS Có Trị giá bán
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DXG	533.700	11.830.625.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DXP	11.700	238.550.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DXS	600	15.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DZM	16	184.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EIB	14.900	374.275.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ELC	11.000	152.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EMS	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EVE	200	3.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EVF	64.100	783.250.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EVG	10.100	113.260.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FCM	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FCN	575.100	8.554.055.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FDC	3.400	47.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FIC	7.100	88.430.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FIT	1.944.800	27.739.220.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FLC	923.400	10.775.831.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FMC	200	10.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FOX	2.000	166.050.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FPT	80.100	6.678.140.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FRT	210.300	6.208.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FTM	14.600	39.590.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FTS	6.400	156.440.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	G36	376.490	4.083.227.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GAS	16.100	1.384.210.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GEG	36.000	689.165.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GEX	932.100	22.285.665.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GGG	6.600	23.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GIL	5.400	359.720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GKM	1.500	28.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GMD	54.600	2.081.195.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GMX	6.900	256.390.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GSP	5.100	73.955.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GTN	374.400	9.498.955.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GTT	46.000	23.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GVR	167.500	4.964.415.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAC	5.500	68.550.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAG	586.100	3.043.635.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAH	60.600	1.620.330.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAI	56.200	258.304.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAP	98.700	1.300.790.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAR	263.000	1.352.575.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAX	7.000	158.970.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HBC	402.900	6.725.625.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HBS	1.360.985	9.564.422.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HCC	2.000	20.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HCD	1.800	12.626.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HCM	334.500	13.307.090.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HD2	400	3.440.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HDB	336.100	10.489.675.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HDC	5.500	233.340.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HDG	118.300	5.959.850.000

Tài khoản	Mã CK	PS Có SL Bán	PS Có Trị giá bán
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HHG	5.000	13.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HHS	887.600	6.434.306.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HHV	93.800	1.973.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HID	237.400	1.556.029.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HII	1.900	35.070.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HJS	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HLA	71.000	70.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HLD	14.200	500.730.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HMH	500	7.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HND	3.400	65.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HNG	1.256.600	13.202.472.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HNM	19.000	160.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HOM	50.088	216.499.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HPB	1.100	18.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HPG	1.269.800	68.173.445.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HPT	1.300	15.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HPX	500	17.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HQC	1.785.400	6.707.550.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HRT	2.800	17.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HSG	311.900	13.357.695.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HSI	5.579	17.429.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HSL	100	658.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HTI	69.700	1.397.450.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HTI	7.000	123.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HTM	500	8.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HTN	83.600	4.330.625.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HTP	27.500	557.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HTT	40.000	92.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HU4	2.900	51.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HUT	213.252	1.352.324.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVG	21.000	67.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVH	1.000	10.185.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVN	56.200	1.504.950.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVX	600	3.594.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IBC	26.500	641.020.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ICT	1.000	22.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IDC	829.000	42.588.510.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IDI	372.300	2.781.567.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IDJ	1.270.700	24.866.190.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IDV	10.600	733.260.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IJC	3.286.500	98.453.110.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ILA	6.900	51.410.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ILB	1.500	38.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IPA	31.600	2.086.850.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITA	4.591.800	32.959.679.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITC	19.500	397.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITD	3.500	61.885.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITQ	75.100	444.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	JVC	2.159.200	11.513.882.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KBC	310.600	11.312.650.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KDH	138.400	4.930.700.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tài khoản	Mã CK	PS Có SL Bán	PS Có Trị giá bán
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHB	442.900	1.742.870.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHG	312.100	4.647.040.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHL	12.000	12.250.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KKC	9.300	151.890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KLB	2.700	66.320.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KLF	528.300	1.680.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KMR	83.900	689.578.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KSB	193.400	5.817.605.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KSH	5.672.990	17.224.537.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KVC	49.600	232.620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	L14	5.000	371.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	L18	14.200	473.780.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	L62	82	447.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LAS	325.700	5.554.910.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LCG	1.407.700	21.187.825.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LCM	4.200	9.933.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LCS	90.300	372.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LDG	315.100	2.377.653.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LGL	7.000	41.230.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LHG	19.800	919.120.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LIG	1.027.000	10.833.540.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LIX	3.000	177.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LMH	68.940	192.730.300
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LPB	2.166.900	49.880.675.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LSS	12.600	127.125.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LTG	26.300	1.010.770.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LUT	5.100	24.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MAC	3.765	29.145.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MAS	4.800	182.980.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MBB	1.300.800	38.803.920.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MBG	563.400	3.881.620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MBS	49.175	1.271.485.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MCF	5.000	46.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MCG	32.500	100.875.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MCH	2.300	291.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MCM	8.200	445.540.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MFS	5.000	149.980.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MHC	6.798.700	77.340.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MIG	60.450	1.109.984.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MML	50	2.611.900
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MPC	6.800	232.570.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MPT	815.400	2.297.010.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MSB	932.900	27.481.985.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MSH	5.100	219.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MSN	19.500	2.009.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MSR	301.030	6.686.167.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MST	226.100	2.365.550.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MVB	6.200	167.690.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MVC	3.000	45.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MWG	13.700	1.948.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NAB	3.900	79.920.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tài khoản	Mã CK	PS Có SL Bán	PS Có Trị giá bán
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NAF	2.600	60.230.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NAG	646	6.569.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NBB	300	13.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NBC	4.300	48.350.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NCS	278.400	4.736.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NCT	500	34.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NDF	800	1.840.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NDN	97.700	2.274.520.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NDT	100	2.690.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NED	291.300	2.664.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NHA	200	6.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NHH	28.000	1.138.180.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NHP	60.400	174.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NKG	162.000	4.410.835.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NLG	99.600	4.006.490.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NNC	1.100	31.010.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NOS	10.100	4.040.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NRC	400	8.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NSH	1.200	15.070.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NT2	43.900	936.825.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NTB	34.000	18.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NTL	41.700	1.184.875.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NTP	1.000	60.210.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NVB	95.200	1.667.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NVL	23.300	1.957.710.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NVT	1.100	8.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	OCB	591.400	14.829.920.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	OGC	238.700	1.608.021.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	OIL	61.300	788.170.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ORS	8.902	255.689.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PAC	5.000	174.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PAN	25.513	867.092.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PAS	215.200	3.178.410.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PC1	16.900	561.140.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PDR	40.200	3.580.390.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PDV	16	166.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PET	132.500	2.909.380.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PFL	278.400	1.015.050.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGB	27.600	609.860.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGC	1.000	17.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGN	7.800	128.790.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGT	16	217.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGV	1.000	19.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PHC	10.000	173.145.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PHP	1.300	32.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PHR	15.500	929.620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PJT	100	1.140.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PLC	7.000	212.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PLP	38.800	394.720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PLX	22.200	1.155.680.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PMB	1.000	11.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tài khoản	Mã CK	PS Có SL Bán	PS Có Trị giá bán
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PMG	263.620	5.231.713.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PND	200	2.760.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PNJ	26.200	2.487.620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	POM	54.100	900.625.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	POT	700	10.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	POW	722.200	8.795.285.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PPS	500	6.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PRE	1.400	23.520.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PRT	4.600	63.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSB	1.830	15.426.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSD	21.000	392.180.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSH	22.600	483.365.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSI	12.200	156.010.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSP	2.800	23.240.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSW	7.200	96.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTB	3.200	302.040.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTI	53	1.553.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTL	500	3.324.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PV2	28.400	121.340.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVB	172.600	3.410.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVC	256.004	2.905.032.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVD	808.000	18.711.145.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVG	38.900	521.270.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVI	1.200	52.570.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVL	274.400	854.010.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVM	46.200	1.109.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVO	700	6.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVP	9.400	152.120.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVS	1.136.698	27.633.968.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVT	433.300	8.339.090.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVV	30.000	66.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVX	95.610	173.093.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PWA	800	10.890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PXI	400	1.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PXL	12.500	140.050.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PXM	4.000	1.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QBS	190.300	603.892.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QCG	9.000	81.650.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QNC	200	2.660.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QNS	20.200	1.016.570.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QTP	192.700	3.049.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	RAL	1.600	277.880.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	REE	17.100	1.024.460.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	RIC	8.000	195.765.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ROS	3.729.500	20.590.923.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	S74	1.500	11.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	S99	3.868.956	97.903.986.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SAB	1.000	164.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SAM	368.600	4.087.710.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SAV	2.200	62.015.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SBL	100	1.020.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tài khoản	Mã CK	PS Có SL Bán	PS Có Trị giá bán
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SBS	69.216	886.744.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SBT	175.400	3.885.785.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCC	1.000	4.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCI	2.635.010	129.446.436.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCJ	2.000	7.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCL	400	5.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCR	808.200	8.167.569.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCS	500	64.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD2	500	3.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD3	500	2.050.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD5	7.100	91.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD6	600	3.170.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD7	500	1.950.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDA	636.566	8.460.187.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDD	11.729	71.462.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDH	200	250.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDP	1.000	3.340.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SEA	400	10.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SFG	3.600	58.320.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGB	2.000	31.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGP	52.400	982.990.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGS	100	1.690.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHA	12.000	78.296.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHB	2.475.700	65.596.039.900
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHI	400	8.195.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHN	10.335	142.449.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHP	1.800	40.140.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHS	442.215	14.231.524.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SIP	400	80.720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJC	100	240.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJD	21.000	355.840.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJF	3.123.400	12.710.009.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJM	10.100	46.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJS	6.400	286.830.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SKG	10.400	129.955.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SMC	29.800	1.325.725.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SPP	2.000	1.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SRA	51.500	471.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SSB	5.300	202.325.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SSI	277.000	14.154.855.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SSN	11.000	85.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	STB	1.101.400	29.998.890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	STP	300	2.370.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SVD	500	7.625.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SVN	300	840.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SWC	32.400	765.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SZB	5.000	176.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SZC	40.600	1.604.525.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TAR	265.740	6.409.992.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TBC	2.000	56.150.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TC6	22.050	316.820.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tài khoản	Mã CK	PS Có SL Bán	PS Có Trị giá bán
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCB	814.100	38.276.375.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCD	181.300	3.025.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCH	3.827.100	75.792.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCI	1.200	15.410.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCL	300	10.035.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCM	1.300	90.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCR	500	2.225.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCW	1.100	33.570.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDC	107.400	2.202.110.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDH	335.200	3.088.532.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDM	31.200	917.275.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDN	900	17.820.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDS	500	12.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDT	3.000	39.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TEG	385.700	4.333.615.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TGG	18.700	122.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	THD	300	50.550.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TID	16.100	563.490.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TIG	1.017.222	9.307.293.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TIP	6.000	263.720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TIS	500	6.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TJC	200	2.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TLD	174.800	1.280.777.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TLG	700	31.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TLH	416.600	7.769.625.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TMP	500	22.540.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TMX	4.600	80.960.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNA	7.600	102.340.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNG	152.300	3.467.220.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNH	106.000	3.057.175.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNI	148.800	708.988.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNT	288.900	2.346.847.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TPB	109.500	3.651.550.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TPC	100	1.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TPH	500	6.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TRT	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TSC	635.500	9.000.688.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TST	700	6.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTA	1.700	24.990.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTB	38.100	252.716.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTF	2.075.100	16.063.941.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTH	209.300	772.970.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTN	200	3.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TV2	4.000	228.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVB	29.100	379.440.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVC	38.300	604.630.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVD	64.100	1.128.770.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVN	98.200	1.378.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TXM	3.250	22.027.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TYA	5.900	95.680.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	UDC	100	616.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tài khoản	Mã CK	PS Có SL Bán	PS Có Trị giá bán
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	UIC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	UNI	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	V15	2.200	2.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VBB	36.400	760.820.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC1	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC2	2.150	37.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC3	41.849	1.014.289.700
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC5	100	140.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC6	300	2.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCA	4.800	71.040.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCB	11.700	1.184.890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCG	2.400	108.825.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCI	148.400	9.258.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCR	31.000	1.036.870.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCS	16.530	1.851.063.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCX	10.000	102.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VDL	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VDS	111.000	1.721.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VE8	2.500	27.680.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VEA	3.100	131.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VFS	19.400	177.210.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VGC	873.900	28.605.210.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VGI	58.120	2.480.016.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VGS	111.160	3.416.218.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VGT	683.300	13.195.950.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHC	69.900	3.163.690.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHD	100	1.150.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHE	68.500	573.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHG	423.590	1.862.322.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHM	52.700	5.312.950.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIB	19.500	797.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIC	6.400	625.040.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIG	68.600	417.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIP	99.800	958.876.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIS	300	5.275.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIX	9.555.000	295.867.045.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VJC	200	23.240.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VKC	3.016	20.195.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VLC	1.100	44.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VMC	24.300	284.440.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VMD	685.100	34.210.910.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VMG	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNA	4.700	78.650.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNB	57.900	1.089.770.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VND	42.330	1.884.710.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNE	249.100	2.541.151.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNH	6.900	26.450.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNM	32.300	3.032.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNP	79.600	1.044.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNR	800	22.320.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VOC	80.900	2.130.590.000

Tài khoản	Mã CK	PS Có SL Bán	PS Có Trị giá bán
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VOS	157.800	775.770.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPB	615.500	31.188.960.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPB	244.600	10.319.790.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPH	86.300	459.557.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPI	61.600	2.183.650.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VRC	33.600	325.184.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VRE	391.500	12.285.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VRG	38.000	1.042.510.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VSC	3.300	202.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VSH	600	11.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTB	1.500	9.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTB	4.400	55.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTB	444.000	5.986.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTB	64.400	869.190.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTP	4.100	387.670.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTV	500	4.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	WSS	9.000	56.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	XMC	1.100	12.290.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	XPB	15.300	147.730.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	YEG	2.500	39.790.000

**BÁO CÁO TỔNG HỢP PHÁT SINH TK 002 CHƯA PHẢN ÁNH TRÊN SỔ SÁCH
KẾ TOÁN THEO MÃ CHỨNG KHOÁN
TỪ NGÀY 01/01/2021 ĐẾN 31/10/2021**

(Nguồn dữ liệu: Được kết xuất trên hệ thống HOS của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình)

**C. BÁO CÁO TỔNG HỢP PHÁT SINH TK NỢ TK 002 THEO MÃ CHỨNG KHOÁN
KẾ TỪ NGÀY 01/11/2021 ĐẾN 31/12/2024**

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
Tổng giá trị phát sinh Nợ		108.287.328	2.112.586.108.850
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAA	743.400	12.445.856.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAH	22.300	86.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAM	600	8.578.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAS	66.300	1.796.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAT	26.800	344.320.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAV	16.400	214.470.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ABB	286.334	3.971.474.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ABC	800	12.320.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ABS	491.300	12.019.985.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ABW	3.100	42.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACB	109.132	3.648.824.550
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACC	2.000	34.450.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACG	13.000	885.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACL	103.000	1.940.520.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACM	94.000	333.770.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACV	600	52.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ADS	23.700	691.570.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AFX	5.600	93.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AGG	3.300	157.470.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AGR	39.100	774.145.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AMD	129.300	759.214.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AME	11.800	147.850.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AMS	67.500	976.940.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AMV	431.000	3.553.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ANV	48.200	2.452.220.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APC	2.200	55.050.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APF	4.400	261.310.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APG	104.100	1.144.738.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APH	162.300	4.062.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	API	429.700	31.415.260.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APP	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APS	913.786	34.007.129.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ARM	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ART	635.070	7.614.294.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ASM	600.504	10.859.857.690
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ASP	1.400	12.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ATB	51.300	112.940.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ATG	100	850.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AVF	10.500	13.350.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BAB	600	13.620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BAF	73.900	2.411.490.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BBC	200	11.340.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BBM	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCA	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCC	46.100	937.040.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCE	35.200	484.065.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCG	2.035.900	48.659.810.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCM	70.600	5.235.120.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCP	100	900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BFC	199.200	7.926.675.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BIC	1.000	34.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BID	27.543	1.108.484.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BIG	400	6.290.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BII	360.900	5.260.180.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BKG	8.000	111.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BMG	200	3.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BMI	12.300	490.460.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BMP	300	17.850.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BMS	9.100	187.630.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BNA	17.700	776.950.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BOT	23.100	237.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BPC	1.000	12.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BSI	5.000	212.095.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BSR	294.400	7.543.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BTP	1.000	13.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BTS	16.800	253.710.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVB	154.200	3.416.830.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVG	6.600	54.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVH	17.400	892.855.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVS	6.132	190.939.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BWE	21.300	1.136.480.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	C32	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	C47	455.900	8.369.170.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	C4G	330.600	6.557.930.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	C69	231.100	3.630.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CAD	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CAP	400	35.240.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CBI	1.400	39.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CCL	88.000	1.498.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CCR	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CDN	500	15.250.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CDO	23.500	136.260.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CEN	200.000	3.777.950.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CEO	195.332	8.890.438.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CFPT2109	3.100	5.518.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CGV	3.000	20.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CHP	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CHPG2113	3.900	7.386.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CI5	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CIA	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CIG	16.500	198.115.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CII	315.060	7.742.830.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CKG	128.170	4.025.915.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CLG	11.800	31.120.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CLH	500	15.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CLL	1	29.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CLX	6.500	190.370.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMD	100	1.610.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMG	21.800	1.286.740.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMS	7.000	123.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMT	1.100	24.880.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMX	237.800	4.272.395.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CNG	400	14.520.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CPH	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CPOW2201	500	100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CPOW2203	4.200	1.448.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CPOW2209	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CQT	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CRC	2.400	26.040.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CRE	23.000	731.125.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CSC	14.500	667.570.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CSTB2202	100	243.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CSV	23.200	1.194.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTC	38.200	180.690.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTD	114.200	10.166.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTG	129.084	4.111.022.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTI	29.800	604.355.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTR	89.500	8.117.480.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTS	70.767	2.122.791.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVIC2301	900	1.778.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVN	1.300	7.570.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVPB2106	40.000	68.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVPB2301	7.000	4.970.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVRE2216	1.800	486.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CX8	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	D11	6.000	256.430.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	D2D	1.000	63.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DAG	222.300	1.979.979.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DAH	42.200	499.372.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DBC	86.600	3.646.545.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DBD	1.000	53.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DC2	2.100	34.620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DC4	47.900	973.989.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DCL	12.200	492.890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DCM	324.300	12.305.010.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DCS	5.500	4.350.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DDG	6.400	48.550.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DDN	400	9.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DDV	282.100	6.433.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DGC	8.300	938.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DGT	29.300	1.083.110.000

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DGW	2.100	238.090.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DHA	4.100	152.740.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DHG	800	91.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DHT	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DIC	600	3.780.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DID	2.000	26.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DIG	240.931	11.472.314.450
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DIH	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DKC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DLI	392.165	5.238.785.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DLG	207.400	1.644.896.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DNW	1.000	27.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DPC	100	860.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DPG	173.800	11.035.780.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DPM	2.795.900	166.720.650.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DPR	6.900	566.760.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DPS	40.100	50.680.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DQC	2.800	100.355.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DRC	25.700	859.810.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DRG	5.000	113.180.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DRH	254.630	4.870.719.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DRI	117.900	2.018.150.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DSC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DST	228.800	1.653.660.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DTD	16.100	465.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DTE	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DTL	100	2.895.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DVG	188.900	2.420.130.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DVN	3.400	85.180.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DXG	355.904	9.697.550.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DXP	59.800	1.301.640.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DXS	20.000	344.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DXV	2.400	19.152.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DZM	3.000	28.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EFI	7.000	25.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EIB	42.300	1.006.235.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EID	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EIN	32.900	466.510.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ELC	75.100	1.998.860.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EMC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EMS	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EVE	8.200	175.290.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EVF	83.954	1.247.312.300
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EVG	23.500	392.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EVS	400	16.640.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FCM	29.800	302.407.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FCN	799.300	19.283.250.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FID	41.000	312.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FIT	1.783.961	25.265.008.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FLC	815.200	9.321.865.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FMC	1.200	72.660.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FOX	600	41.340.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FPT	25.233	2.506.788.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FRM	100	290.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FRT	121.500	12.314.150.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FTM	20.504	100.005.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FTS	4.200	140.440.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	G36	47.900	777.960.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GAS	9.700	1.177.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GDT	874	50.695.900
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GEE	55.600	2.423.640.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GEG	76.000	1.681.395.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GEX	4.517.741	181.862.760.550
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GIL	16.100	1.244.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GMD	34.100	1.919.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GSP	9.200	100.225.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GTN	46.600	962.395.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GTT	1.665.334	2.922.011.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GVR	135.300	4.524.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAC	300	2.970.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAG	397.397	3.850.803.050
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAH	30.300	1.849.040.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAI	96.100	563.774.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAP	4.900	61.117.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAR	10.500	45.085.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAX	8.000	169.540.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HBC	524.700	12.513.507.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HBS	20.851.355	130.924.523.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HCD	45.100	609.670.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HCM	237.300	9.101.050.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HD6	600	22.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HDA	2.000	11.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HDB	83.700	2.328.695.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HDC	45.200	2.187.455.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HDG	118.149	4.477.304.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HHG	24.400	142.640.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HHP	8.100	115.380.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HHS	3.441.600	33.647.826.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HHV	400.200	9.503.139.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HID	194.600	2.229.927.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HII	52.000	919.403.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HLD	6.900	301.280.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HMC	9.900	276.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HND	1.100	19.530.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HNF	5.000	140.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HNG	1.179.348	9.449.497.510
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HNM	390	3.532.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HOM	284.200	2.634.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HPG	831.957	31.879.530.650
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HPP	300	19.950.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HPX	66.400	358.385.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HQC	831.900	5.749.197.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

 Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
 phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HSG	522.796	18.718.806.050
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HSL	17.000	170.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HSV	2.000	8.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HT1	50.005	1.114.861.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HTN	100.900	5.801.880.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HU4	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HUT	877.800	25.238.720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVG	444.400	1.746.690.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVH	400	5.120.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVN	335.900	7.613.675.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVT	100	7.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVX	200	1.640.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IBC	18.900	48.272.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ICF	5.000	18.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ICG	2.000	9.840.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ICT	1.400	28.375.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IDC	1.110.943	89.824.300.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IDI	414.400	7.006.283.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IDJ	762.062	20.971.301.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IJC	509.000	12.916.550.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ILA	3.000	37.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	INN	1.000	41.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IPA	66.100	3.428.140.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITA	931.100	14.322.823.090
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITC	120.400	2.479.478.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITD	9.000	159.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITQ	58.100	201.950.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IVS	1.000	8.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	JVC	440.600	3.936.066.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KBC	83.800	4.037.815.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KDH	9.000	378.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KDM	1.300	13.410.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHA	400	4.020.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHB	22.600	188.730.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHD	10.700	123.710.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHG	168.873	3.215.402.370
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHP	32.000	412.753.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHS	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KLF	352.500	2.112.070.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KMR	1.100	11.390.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KOS	1.000	33.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KPF	700	12.270.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KSB	44.600	1.623.255.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KSD	400	2.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KSH	2.145.200	9.353.630.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KSK	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KSQ	33.100	295.430.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KVC	60.400	453.470.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	L14	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	L18	31.600	1.868.210.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LAS	289.200	5.567.730.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LCG	940.600	18.829.328.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LCM	2.500	18.545.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LDG	1.265.789	17.988.961.900
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LGL	223.300	1.170.153.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LGM	204	2.634.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LHC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LHG	39.600	1.890.145.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LIC	2.100	128.640.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LIG	1.038.300	16.225.330.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LM7	300	2.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LMH	25.000	238.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LPB	556.041	10.632.149.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LSS	24.000	404.732.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LTG	26.400	1.100.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LUT	44.400	253.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MA1	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MAC	11.532	107.900.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MBB	347.382	9.732.359.050
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MBG	303.479	4.077.392.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MBS	47.200	1.312.636.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MCF	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MCG	53.500	407.906.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MCH	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MCM	1.600	105.340.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MCO	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MCP	2	40.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MEF	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MEL	10.000	71.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MFS	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MHC	14.000	190.146.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MIG	63.500	1.642.930.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MKP	600	41.640.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MLS	900	33.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MPC	10.800	460.280.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MPT	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MSB	579.350	11.676.590.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MSH	2.000	129.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MSN	5.200	577.220.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MSR	21.700	577.140.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MST	110.800	1.844.760.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MTC	100	750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MWG	13.000	1.054.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NAB	400	10.120.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NAC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NAF	3.500	80.650.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NAG	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NBB	41.200	1.578.310.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NBC	600	8.890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NCT	100	11.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NDF	800	2.150.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NDN	219.600	4.992.270.000

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NDT	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NDX	500	5.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NED	80.600	950.410.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NFC	4	64.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NHA	4.000	128.625.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NHH	600	19.875.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NHP	1.000	1.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NKG	180.200	6.649.371.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NLG	104.559	5.749.277.850
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NOS	800	2.320.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NRC	74.000	475.210.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NSG	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NSH	17.200	236.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NST	1.300	14.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NT2	700	16.910.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NTL	64.500	2.395.380.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NTP	1.000	64.250.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NVB	1.800	29.640.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NVL	275.160	12.208.038.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	OCB	18.100	429.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	OCH	40.700	637.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	OGC	724.700	8.160.208.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	OIL	65.280	1.098.234.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ORS	28.300	711.295.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PAN	336.200	9.969.425.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PAS	9.800	227.070.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PBP	200	2.820.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PC1	133.800	5.427.730.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PDC	42	299.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PDR	72.500	1.571.835.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PET	34.200	1.444.935.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PFL	198.100	1.487.470.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGB	8.200	216.670.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGC	12.200	209.765.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGV	227	6.618.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PHC	93.800	1.373.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PHP	1.300	41.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PHR	124.200	7.959.755.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PIT	4	16.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PIV	6.900	11.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PLC	10.000	451.270.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PLP	3.600	42.818.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PLX	169.400	6.685.510.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PMB	200	3.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PMG	596.758	10.637.723.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PNJ	1.000	113.040.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PNT	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	POM	10.500	167.540.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	POW	517.200	8.094.870.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PPH	1.800	59.950.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PPI	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PPP	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PRT	2.000	55.190.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSD	1.000	43.910.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSH	24.900	309.965.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSI	3.000	53.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSP	32.300	418.210.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSW	300	8.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTB	40.900	2.813.715.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTC	385.100	19.423.345.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTD	2.600	19.670.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTG	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTL	129.300	1.511.829.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTS	500	8.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTV	5.100	40.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PV2	5.600	14.740.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVA	510	1.015.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVB	66.000	1.529.680.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVC	165.540	3.536.920.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVD	951.530	28.257.304.750
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVG	24.900	336.040.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVI	16.250	862.290.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVL	39.400	530.020.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVM	30.800	725.150.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVP	13.100	232.230.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVS	456.700	12.624.920.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVT	155.100	4.152.925.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVV	15.000	43.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVX	155.900	443.870.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PWA	1.700	27.543.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PXI	11.200	62.977.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PXL	556.800	8.587.440.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PXS	125.000	755.344.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PXT	22.600	139.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QBS	18.900	105.971.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QCG	5.800	100.330.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QNS	27.500	1.393.650.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QTP	23.500	426.380.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	RAL	1.500	243.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	RDP	2.300	32.740.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	REE	19.700	1.541.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ROS	561.000	4.593.119.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	RTB	2.800	99.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	S96	35.926	97.653.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	S99	300.400	7.112.810.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SAC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SAL	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SAM	120.200	2.097.805.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SAV	100	2.810.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SBS	300.600	5.296.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SBT	107.400	2.512.695.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SBV	10.002	177.376.100

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCI	23.900	1.066.410.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCR	446.628	8.842.111.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD2	2.800	39.860.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD3	5.300	45.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD4	3.000	27.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD5	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD6	100	510.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD7	18.500	153.720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD9	20.100	271.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDA	248.700	10.685.340.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDD	71.500	502.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDP	17.900	119.670.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDT	3.000	27.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SEA	2.000	94.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SFG	3.400	54.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGH	300	8.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGI	1.500	43.650.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGN	2	134.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGR	27.700	798.455.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGS	1	18.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGT	10.700	316.430.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHA	8.500	76.477.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHB	1.012.009	19.882.629.250
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHE	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHI	23.700	438.870.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHN	1.000	7.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHS	289.063	5.445.031.900
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SIP	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJ1	100	1.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJD	46.400	1.003.895.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJF	1.125.000	15.753.842.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJM	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJS	100	7.280.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SKG	60.400	1.388.340.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SKH	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SKV	900	31.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SMA	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SMC	33.500	415.980.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SMT	100	2.440.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SQC	100	920.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SRA	434.600	4.617.870.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SRB	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SSB	100	3.810.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SSF	630	3.339.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SSI	667.821	25.666.144.300
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SSN	8.040	78.006.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ST8	250	3.342.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	STB	444.100	13.214.225.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	STL	1.300	6.630.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	STP	1.000	10.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	STT	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SVD	100	347.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SVN	900	6.930.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SVT	1.500	26.670.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SWC	1.700	57.950.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SZC	30.700	1.811.295.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TA9	43.200	625.350.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TAR	97.600	3.359.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TAW	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TBD	60.000	4.080.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TC6	95.000	894.180.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCB	221.600	10.777.960.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCD	80.000	1.841.937.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCH	643.384	12.674.966.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCI	59.300	965.810.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCL	2.000	69.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCM	10.000	678.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCO	6.800	88.940.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDC	109.400	2.489.472.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDG	230.700	2.535.901.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDH	7.034	39.610.450
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDM	600	21.960.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDN	4.100	42.880.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDT	8.100	115.380.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TEG	348.300	5.559.730.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TGG	141.000	2.757.760.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	THT	7.100	122.920.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	THW	300	5.010.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TID	200	12.190.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TIG	16.200	264.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TIP	18.200	985.930.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TIS	30.100	408.350.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TKC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TKU	1.700	19.890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TL4	500	10.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TLD	46.400	530.655.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TLG	1.200	80.760.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TLH	18.100	230.532.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TLI	4.400	23.170.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TMT	5.300	107.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNA	1.700	29.805.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNG	103.100	3.248.270.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNH	2.200	119.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNI	569.900	3.815.314.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNS	12.000	55.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNT	16.900	84.134.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TPB	16.800	610.470.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TPC	4	28.840
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TRC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TS5	700	4.830.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TSC	31.400	397.810.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTA	21.100	328.850.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTB	78.900	612.113.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTC	4	57.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTF	553.100	6.755.331.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTH	418.800	3.020.110.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTL	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTZ	3.000	21.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVB	5.400	147.532.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVC	132.100	2.789.980.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVD	53.100	910.540.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVN	26.700	451.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVS	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVT	200	6.450.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TXM	2.500	18.620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	UDC	8.000	96.150.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	UDJ	20.600	303.010.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	UNI	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	UPH	200	1.590.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	V12	500	9.850.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	V21	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VAB	3.300	34.920.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VAF	2.300	32.285.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VAT	30.000	64.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VBB	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC1	1.600	24.490.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC2	80.800	3.449.040.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC3	66.500	3.178.410.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC6	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC7	44.000	675.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC9	18.700	137.430.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCB	4.131	383.120.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCG	195.569	6.519.049.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCI	56.202	2.366.492.100
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCR	21.500	1.009.490.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VDP	4	141.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VE1	5.100	37.220.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VE8	4.000	49.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VE9	4.000	25.390.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VEA	9.400	408.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VEC	3.000	66.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VEF	1.000	260.120.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VFS	3.000	51.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VGC	211.800	10.225.305.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VGI	34.900	1.133.980.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VGS	35.500	499.540.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VGT	50.900	1.321.290.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHC	37.200	2.624.830.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHD	3.000	123.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHE	78.600	830.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHG	6.479.235	53.291.382.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHL	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHM	133.940	7.860.352.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tài khoản	Mã CK	PS Nợ SL Mua	PS Nợ Trị giá mua
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIB	77.600	2.077.290.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIC	48.200	3.978.470.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIG	18.307	245.312.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIP	110.700	1.269.391.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIS	300	4.935.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIT	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIX	4.607.600	91.537.073.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VJC	1.000	124.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VKC	5.000	25.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VLB	2.000	99.550.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VLC	4.263	84.768.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VMC	21.100	545.670.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VMD	889.188	15.613.250.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNA	4.900	177.330.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNB	72.600	1.613.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNC	4	222.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VND	323.277	8.396.240.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNE	45.500	568.508.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNF	4	98.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNG	200	1.821.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNH	24.900	204.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNM	81.200	7.028.790.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNP	9.000	234.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNR	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNZ	4	3.540.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VOC	14.700	508.870.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VOS	81.800	1.456.255.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPB	395.800	12.379.930.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPG	45.860	2.774.749.300
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPH	9.800	131.615.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPI	5.000	224.640.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VRE	345.800	8.918.995.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VRG	400	14.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VSC	54.700	2.545.825.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VSF	500	12.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VSG	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VST	3.200	12.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTB	300	3.770.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTD	29.332	565.778.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTO	67.900	807.559.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTP	26.946	2.102.803.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTV	8.300	73.780.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTZ	5.000	60.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VUA	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	XMC	11.400	99.790.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	YBC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	YBM	500	3.890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	YEG	37.700	892.250.0

**BÁO CÁO TỔNG HỢP PHÁT SINH TK 002 CHƯA PHẢN ẢNH TRÊN SỔ SÁCH
KẾ TOÁN THEO MÃ CHỨNG KHOÁN
TỪ NGÀY 01/01/2021 ĐẾN 31/10/2021**

(Nguồn dữ liệu: Được kết xuất trên hệ thống HOS của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình)

**D. BÁO CÁO TỔNG HỢP PHÁT SINH TK NỢ TK 002 THEO MÃ CHỨNG KHOÁN
KẾ TỪ NGÀY 01/11/2021 ĐẾN 31/12/2024**

Tài khoản	Mã CK	PS Có SL Bán	PS Có Trị giá bán
Tổng giá trị phát sinh Có		125.960.424	2.404.667.604.210
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAA	878.669	14.455.955.640
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAH	8.300	50.830.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAM	400	5.415.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAS	138.800	3.939.340.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAT	35.580	451.974.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AAV	16.700	211.270.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ABB	472.676	6.161.432.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ABC	800	9.120.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ABS	688.206	18.327.187.300
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ABW	2.000	23.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACB	134.663	4.422.717.900
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACC	5.000	106.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACG	13.000	836.350.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACL	108.000	2.392.140.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACM	112.000	335.620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ACV	600	53.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ADS	25.000	780.505.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AFX	5.600	96.780.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AGG	11.300	491.970.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AGR	37.648	670.032.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AMD	116.020	669.918.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AME	11.800	127.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AMS	113.100	1.733.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AMV	441.900	3.172.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ANV	47.900	2.317.790.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APC	2.200	54.950.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APF	4.400	299.620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APG	104.300	1.160.190.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APH	136.325	2.403.927.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	API	617.600	42.612.970.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	APS	1.028.286	36.641.446.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ARM	2.000	64.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ART	631.330	8.919.387.100
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ASA	600	6.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ASM	622.448	11.409.969.760
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ASP	1.400	15.130.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ATB	45.000	81.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ATG	100	430.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	AVF	11.200	13.280.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BAB	600	15.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BAF	13.900	407.345.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BBC	2.100	144.690.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCC	46.744	919.248.000

Tài khoản	Mã CK	PS Có SL Bán	PS Có Trị giá bán
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCE	25.900	457.592.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCG	2.134.358	50.666.887.530
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCM	72.500	5.294.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BCP	100	900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BFC	200.200	8.802.075.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BHC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BIC	5.000	152.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BID	56.915	2.320.242.900
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BIG	400	6.320.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BII	359.600	3.219.860.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BKG	9.000	113.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BLF	1.060	4.762.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BMG	200	3.150.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BMI	12.300	502.385.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BMP	300	17.670.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BMS	8.100	148.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BNA	11.700	515.740.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BOT	613.400	6.595.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BPC	1.000	12.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BRC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BSI	3.700	159.380.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BSR	368.900	9.123.570.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BTP	1.080	15.336.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BTS	23.700	343.910.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVB	176.070	3.446.758.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVG	6.600	53.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVH	17.500	897.495.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BVS	10.400	394.690.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	BWE	21.300	1.201.565.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	C21	8	104.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	C47	443.700	9.149.920.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	C4G	368.260	7.798.676.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	C69	137.800	2.070.010.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CAD	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CAG	800	20.320.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CAP	1.300	98.840.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CCA	4.000	73.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CCL	90.704	1.265.299.910
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CDN	500	15.510.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CDO	23.100	151.810.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CEN	199.900	3.296.330.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CEO	287.929	10.643.437.700
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CFPT2109	3.100	3.257.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CGV	3.000	19.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CHP	3.800	93.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CHPG2113	3.900	5.549.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CIG	16.500	180.801.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CII	301.605	7.530.726.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CJC	1.200	19.440.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CKG	112.800	3.350.880.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CLG	35.200	90.140.000

Tài khoản	Mã CK	PS Có SL Bán	PS Có Trị giá bán
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CLH	500	18.640.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CLX	6.500	166.120.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMD	100	1.540.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMG	37.537	1.861.258.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMI	1.200	3.910.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMS	7.000	148.650.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMT	1.100	28.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMWG2106	1.800	6.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CMX	274.330	5.210.623.660
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CNG	400	15.990.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CNT	4.046	52.115.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CRC	66.000	798.435.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CRE	29.000	881.165.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CSC	14.644	737.848.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CSM	5.806	119.551.900
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CSTB2202	100	33.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CSV	23.200	1.141.655.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CT6	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTC	36.900	181.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTD	115.633	8.440.833.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTG	237.211	7.647.483.150
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTI	30.600	600.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTP	23.900	185.150.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTR	105.355	9.597.541.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CTS	82.733	2.183.644.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVIC2301	400	908.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVN	500	5.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVPB2106	40.000	59.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVPB2301	7.000	5.740.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CVRE2216	1.800	468.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	CYC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	D11	6.000	269.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	D2D	4.600	299.680.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DAG	216.610	1.725.078.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DAH	42.600	521.425.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DBC	121.264	4.156.620.750
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DBD	1.000	56.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DBT	700	12.460.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DC2	2.100	31.780.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DC4	48.480	1.176.813.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DCL	22.200	780.570.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DCM	323.800	13.148.880.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DCS	8.400	11.540.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DCT	8	31.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DDG	4.500	37.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DDN	460	9.980.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DDV	288.100	6.624.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DGC	7.904	963.622.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DGT	56.800	1.972.960.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DGW	1.927	249.985.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DHA	4.100	150.855.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tài khoản	Mã CK	PS Có SL Bán	PS Có Trị giá bán
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DHG	800	92.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DIC	10.600	35.840.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DID	2.000	27.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DIG	254.409	11.735.457.950
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DL1	482.800	5.291.260.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DLG	215.840	1.655.460.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DNW	1.000	27.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DPC	100	620.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DPG	174.200	11.052.375.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DPM	2.790.800	172.654.295.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DPR	6.900	544.430.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DPS	40.600	59.880.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DQC	2.800	117.110.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DRC	30.200	925.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DRG	5.000	94.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DRH	252.230	4.657.240.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DRI	117.900	2.169.530.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DS3	10.000	84.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DST	252.500	1.973.860.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DTD	11.120	181.458.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DTL	102	2.777.900
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DVG	178.600	2.035.240.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DVN	10.400	250.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DXG	405.984	10.944.026.900
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DXP	8.500	154.850.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DXS	22.000	195.213.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DXV	2.400	18.540.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	DZM	3.000	28.920.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EFI	7.000	24.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EIB	5.118	173.155.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EIN	32.900	329.950.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ELC	75.100	1.846.390.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EMS	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EVE	8.200	127.740.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EVF	72.023	1.094.220.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EVG	23.500	411.946.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	EVS	400	15.330.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FCM	29.000	288.108.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FCN	867.100	16.190.930.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FID	86.000	666.720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FIT	2.397.776	32.802.876.280
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FLC	776.600	9.185.545.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FMC	1.200	73.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FOX	100	7.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FPT	33.751	3.432.896.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FRT	123.770	14.515.013.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FTI	8	44.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FTM	20.100	94.888.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	FTS	4.000	144.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	G20	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	G36	48.706	716.647.300

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tài khoản	Mã CK	PS Có SL Bán	PS Có Trị giá bán
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GAS	8.900	1.091.070.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GDT	2.400	100.625.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GEE	54.500	2.200.720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GEG	79.500	1.777.995.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GEX	4.888.024	191.161.722.850
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GGG	1.670	9.070.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GIL	15.258	1.198.331.850
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GMD	40.781	2.294.083.300
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GSP	9.200	104.575.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GTN	55.900	1.113.945.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GTT	1.248.034	1.530.098.100
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	GVR	159.200	5.340.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAC	906	12.676.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAG	404.586	4.066.759.560
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAH	30.490	1.890.408.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAI	82.100	469.959.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAM	2	41.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAP	4.100	48.280.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAR	70.833	891.185.880
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HAX	6.700	152.035.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HBC	757.755	18.953.058.650
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HBS	23.782.858	169.635.416.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HCD	41.000	610.391.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HCM	209.811	7.422.835.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HD2	100	1.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HD6	600	22.660.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HDB	92.384	2.576.968.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HDC	44.700	2.161.340.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HDG	115.500	4.561.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HDO	40	48.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HEM	51.431	498.880.700
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HHG	24.400	167.880.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HHP	10.100	145.555.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HHS	5.435.227	54.012.343.710
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HHV	597.800	13.721.797.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HID	194.600	2.033.615.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HII	54.700	604.770.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HJS	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HKB	20.000	56.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HLA	4.200	8.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HLD	3.700	172.630.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HMC	9.900	294.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HND	1.000	16.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HNG	1.335.039	10.853.101.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HNM	4.990	46.907.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HOM	223.000	1.935.370.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HPG	1.017.351	34.584.814.450
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HPP	300	17.050.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HPT	100	1.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HPX	63.400	322.174.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HQC	991.000	6.990.697.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tài khoản	Mã CK	PS Có SL Bán	PS Có Trị giá bán
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HRT	5.700	41.610.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HSG	565.069	17.875.963.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HSL	15.000	148.793.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HSV	2.000	7.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HT1	34.055	748.736.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HTN	110.500	6.779.485.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HUT	1.051.610	27.249.131.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVG	761.200	2.897.170.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVH	400	5.020.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVN	333.994	7.569.761.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVT	100	6.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	HVX	200	1.780.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IBC	18.900	49.095.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ICF	8.000	28.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ICG	2.576	22.790.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ICT	1.400	27.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IDC	1.387.047	113.524.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IDI	513.301	8.573.182.550
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IDJ	807.947	22.902.537.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IDV	720	51.340.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IJC	692.288	19.152.613.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ILA	3.000	36.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IME	1	72.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IN4	6	227.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	INN	1.000	39.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IPA	63.080	2.920.616.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITA	1.022.211	14.831.116.710
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITC	257.421	5.645.511.750
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITD	7.423	137.655.250
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITQ	48.910	158.143.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ITS	10.000	105.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	IVS	1.000	9.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	JVC	489.900	4.146.835.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KBC	140.033	6.865.344.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KDH	3.000	162.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KDM	1.300	23.940.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHA	200	1.920.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHB	21.500	157.590.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHD	24.400	285.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHG	160.625	2.089.279.590
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHL	2.000	4.690.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KHP	21.000	275.428.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KKC	1.300	7.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KLF	363.023	2.273.825.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KMR	5.113	45.852.680
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KOS	1.000	34.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KPF	715	12.905.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KSB	67.110	2.443.557.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KSD	4.800	40.960.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KSH	2.185.714	9.140.538.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KSQ	33.100	246.490.000

Tài khoản	Mã CK	PS Có SL Bán	PS Có Trị giá bán
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KST	30	354.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	KVC	60.400	330.430.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	L18	31.600	1.847.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	L62	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LAS	283.000	5.610.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LCG	910.912	16.048.286.480
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LCM	3.500	23.596.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LDG	1.708.669	25.292.678.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LGC	12	679.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LGL	54.200	621.906.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LGM	204	2.328.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LHG	40.100	1.863.680.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LIC	2.100	108.890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LIG	1.136.225	17.541.510.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LM7	200	480.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LMH	25.000	233.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LPB	674.364	12.704.801.300
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LSS	20.205	324.095.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LTG	26.400	1.076.430.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	LUT	3.100	4.960.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MAC	13.091	129.650.900
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MBB	385.487	10.896.621.300
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MBG	275.205	3.524.246.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MBS	70.743	2.240.283.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MCG	76.040	646.672.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MCM	3.000	191.380.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MCP	1	20.300
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MEL	10.000	63.510.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MHC	72.108	928.511.960
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MIG	69.000	1.855.505.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MKP	100	5.350.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MLS	800	8.820.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MPC	10.800	507.780.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MSB	621.479	11.540.751.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MSH	2.000	134.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MSN	5.100	650.730.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MSR	23.300	605.370.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MST	114.480	1.947.438.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MTC	100	720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	MWG	13.786	1.079.418.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NAB	4.200	87.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NAF	3.500	70.340.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NAG	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NBB	47.000	1.795.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NBC	400	5.820.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NBP	1.500	27.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NCS	1.000	24.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NCT	100	12.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ND2	57	1.782.900
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NDF	800	2.320.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NDN	220.620	5.055.050.000

Tài khoản	Mã CK	PS Có SL Bán	PS Có Trị giá bán
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NDX	500	4.950.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NED	96.200	1.147.890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NET	500	28.050.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NHA	4.500	167.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NHH	600	21.840.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NHP	13.000	54.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NKG	231.572	8.574.962.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NLG	119.547	6.134.528.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NOS	800	2.960.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NRC	46.630	281.457.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NSH	17.200	281.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NST	1.300	12.880.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NT2	15.900	375.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NTL	48.500	1.706.185.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NTP	1.000	62.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	NVL	201.514	10.849.754.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	OCB	29.425	683.752.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	OCH	40.700	388.740.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	OGC	591.390	5.967.671.700
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	OIL	56.980	985.117.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ORS	32.900	837.605.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PAN	333.202	7.943.728.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PAS	9.800	227.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PBP	200	3.990.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PC1	170.565	7.007.045.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PCT	100	890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PDC	42	258.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PDR	46.700	1.147.385.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PDV	2.835	34.001.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PET	46.220	2.006.655.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PFL	213.900	1.937.660.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGB	8.200	211.860.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGC	12.200	194.790.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PGT	3.620	22.212.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PHC	87.600	1.267.210.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PHP	1.300	39.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PHR	129.200	8.207.915.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PIV	6.900	22.680.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PJT	1.000	12.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PLC	10.000	467.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PLP	2.500	18.893.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PLX	159.400	6.879.385.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PMB	200	4.260.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PMG	1.191.316	16.084.746.300
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PNJ	5.016	529.113.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	POM	10.500	92.290.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	POW	583.750	9.182.989.250
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PPC	1.800	24.660.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PPH	5.200	172.350.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PPI	1.004	1.603.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PRT	2.000	44.260.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tài khoản	Mã CK	PS Có SL Bán	PS Có Trị giá bán
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSD	1.000	37.210.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSG	11.700	33.930.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSH	23.600	260.323.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSI	3.600	54.300.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSP	29.100	354.660.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PSW	300	8.890.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTB	40.700	3.046.070.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTC	383.100	18.568.698.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTD	2.600	17.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTL	145.700	1.760.440.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTS	500	7.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PTV	5.100	44.520.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PV2	25.600	142.820.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVA	2.520	6.630.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVB	66.000	1.425.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVC	163.360	3.219.308.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVD	1.013.816	27.553.169.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVG	37.700	547.280.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVI	17.600	870.390.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVL	33.804	369.826.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVM	30.800	721.940.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVP	13.520	237.254.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVS	497.398	13.640.833.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVT	194.462	4.923.595.850
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVV	35.100	121.740.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PVX	162.334	580.672.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PWA	600	6.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PXI	11.200	48.371.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PXL	557.200	7.200.980.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PXS	135.500	859.311.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	PXT	22.605	128.862.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QBS	24.100	132.120.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QCG	9.600	141.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QNC	48	364.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QNS	33.900	1.685.530.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QPH	5.607	170.110.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	QTP	32.200	565.380.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	RAL	200	23.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	RDP	2.300	29.800.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	REE	19.883	1.629.282.100
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	ROS	1.001.200	8.396.547.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	RTB	2.800	89.320.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	S12	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	S96	35.926	60.938.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	S99	459.065	10.261.496.700
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SAC	2	52.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SAM	115.118	1.663.193.950
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SAV	100	2.945.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SBS	267.900	4.199.130.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SBT	57.642	1.235.344.250
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SBV	10.011	166.116.050

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tài khoản	Mã CK	PS Có SL Bán	PS Có Trị giá bán
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SC5	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCI	114.500	5.010.030.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCL	40	1.280.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SCR	420.571	7.680.566.560
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD2	2.800	40.460.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD3	5.300	47.230.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD4	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD6	100	520.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD7	13.700	129.540.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SD9	24.000	317.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDA	459.066	14.006.064.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDD	71.000	530.430.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDH	3.800	9.240.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDP	2.000	8.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SDT	3.000	25.400.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SEA	2.000	87.370.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SFG	9.200	151.520.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SFI	1	30.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGD	2.600	56.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGH	4	106.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGI	1.500	40.650.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGP	3.100	128.430.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGR	27.700	821.575.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SGT	9.480	302.679.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHA	10.140	86.226.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHB	1.403.265	26.391.811.890
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHI	21.900	393.155.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHN	1.069	9.448.700
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHP	162	4.406.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SHS	292.538	4.869.908.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJ1	100	1.330.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJC	900	3.180.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJD	46.400	939.205.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJF	1.621.800	18.583.236.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SJS	265	18.217.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SKG	59.100	1.410.025.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SKV	900	42.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SMA	8	65.650
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SMC	38.400	483.515.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SMT	100	2.790.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SQC	100	420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SRA	411.960	4.314.152.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SSB	100	3.820.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SSF	630	3.586.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SSI	802.015	29.781.748.850
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SSN	18.440	168.846.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	STB	587.156	17.696.776.300
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	STP	4.644	45.460.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SVD	3.600	44.910.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SVN	900	6.750.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SVT	1.500	28.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tài khoản	Mã CK	PS Có SL Bán	PS Có Trị giá bán
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SWC	3.300	90.850.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	SZC	26.700	1.578.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TA9	22.500	359.670.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TAR	92.600	2.955.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TC6	110.400	1.027.720.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCB	221.150	9.474.762.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCD	85.769	1.884.357.320
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCH	1.042.501	21.449.053.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCI	59.304	858.148.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCL	2.000	70.835.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCM	10.000	720.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TCO	6.800	86.392.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDC	106.160	2.490.782.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDG	225.707	2.439.399.650
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDH	7.100	45.900.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDM	600	23.860.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDN	4.100	42.210.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TDT	7.800	113.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TEG	533.900	8.211.660.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TFC	9	274.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TGG	133.900	2.615.114.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	THG	8	321.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	THT	7.120	122.244.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	THW	300	2.530.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TID	11.800	807.470.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TIE	16	176.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TIG	56.434	1.083.506.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TIP	18.200	498.780.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TIS	30.000	347.470.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TKC	39	421.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TKU	238	9.607.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TL4	500	10.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TLD	59.500	696.960.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TLG	1.200	68.510.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TLH	19.700	255.153.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TLI	4.400	20.630.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TLT	25.700	380.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TMC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TMS	74	4.474.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TMT	5.300	105.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TMX	200	1.700.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNA	4.700	79.505.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNB	4	46.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNG	113.544	3.637.363.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNH	2.200	81.255.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNI	980.600	8.399.227.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNS	24.400	205.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TNT	542.900	6.390.070.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TOP	100	270.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TPB	18.720	672.547.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TPS	1	19.300

Tài khoản	Mã CK	PS Có SL Bán	PS Có Trị giá bán
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TRA	18	1.651.700
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TRT	200	2.940.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TS4	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TSC	31.819	418.101.440
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTA	23.600	363.080.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTB	70.473	690.098.950
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTF	680.400	8.086.770.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTH	420.000	2.547.640.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTN	200	3.240.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TTZ	3.000	19.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TV2	2	80.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVB	5.405	104.118.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVC	123.300	2.637.770.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVD	63.600	1.153.180.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVN	22.400	364.380.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TVT	200	6.520.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TXM	2.500	21.200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	TYA	1	11.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	UDC	8.000	122.625.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	UDJ	20.600	275.180.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	UIC	-	-
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	UNI	1.100	20.140.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	UPH	200	2.130.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	V12	200	5.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VAB	7.343	70.753.300
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VAF	2.300	32.940.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VAT	30.000	57.460.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC1	6.800	137.100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC2	69.120	2.848.175.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC3	94.411	4.105.618.900
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC6	10	100.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC7	45.338	664.355.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VC9	18.700	151.640.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCB	31.500	2.806.502.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCG	178.628	5.879.770.150
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCI	160.916	9.335.406.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCP	8.770	207.350.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCR	41.100	1.719.270.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VCX	1.000	12.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VDL	2.000	37.580.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VDS	31	552.500
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VE1	5.100	34.330.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VE8	4.700	47.410.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VEA	18.300	787.840.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VEC	3.000	56.980.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VEF	1.000	236.000.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VFC	8	176.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VFS	3.000	58.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VGC	211.700	9.906.520.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VGI	33.400	1.032.110.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VGS	35.796	558.940.800

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tài khoản	Mã CK	PS Có SL Bán	PS Có Trị giá bán
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VGX	51.300	1.205.820.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHC	43.200	3.347.870.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHD	3.000	105.390.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHE	86.500	691.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHG	6.833.300	60.957.240.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHL	20	498.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VHM	122.800	7.749.120.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIB	23.800	613.330.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIC	66.706	5.328.017.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIG	18.807	242.600.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIP	110.703	1.307.086.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIS	300	4.860.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VIX	5.260.164	78.452.145.520
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VJC	1.000	125.550.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VKC	5.000	26.500.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VLB	2.501	141.784.700
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VLC	7.518	130.932.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VMC	21.700	546.310.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VMD	1.667.647	39.748.459.800
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VMG	700	6.510.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNA	4.900	187.160.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNB	107.900	2.202.060.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VND	324.843	8.454.068.900
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNE	58.000	762.915.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNG	200	1.730.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNH	20.200	147.420.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNM	85.004	6.686.451.600
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VNP	9.100	249.660.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VOC	44.600	1.520.600.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VOS	83.000	1.504.360.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPB	439.968	14.079.995.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPC	100	490.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPG	120.826	7.602.111.700
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPH	10.264	142.977.880
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPI	91.900	5.542.320.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPR	2	31.400
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VPS	4	34.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VRE	365.117	10.879.373.250
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VSA	10	200.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VSC	54.320	2.599.381.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VSF	500	18.150.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VSG	140	576.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VST	3.200	13.120.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTB	2.400	19.560.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTB	300	3.990.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTD	37.138	586.154.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTO	89.400	1.084.327.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTP	29.143	2.082.637.200
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTV	10.300	94.780.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VTZ	5.000	64.050.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	VWS	1.828	28.885.200

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tài khoản	Mã CK	PS Có SL Bán	PS Có Trị giá bán
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	XMC	300	3.840.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	YBM	2.000	21.850.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	YEG	37.710	786.217.000
002 Chứng khoán giao dịch mua, bán trên thị trường	YTC	2	106.600



Trần Mỹ Linh

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Nguyễn Phan Trung Kiên

Người lập

Nguyễn Thị Loan

Trưởng Ban KSNB

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình ("Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 082/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/02/2008, Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 13/GPĐC UBCK ngày 14/2/2011, số 50/GPĐC-UBCK ngày 26/8/2011, số 51/UBCK ngày 18/12/2013 và mới nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 79/GPĐC-UBCK ngày 05/09/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ theo giấy phép hoạt động: 329.999.800.000 VND

Vốn pháp định: 250.000.000.000 VND

Tên tiếng anh: Hoa Binh Securities JSC

Mã chứng khoán: HBS

Vốn điều lệ của Công ty là: 329.999.800.000 đồng. (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn); tương đương 32.999.980 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính: Tầng 7+9, Tòa nhà số 46-48 Phố Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội.

1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động chính của Công ty là: Tư vấn đầu tư chứng khoán, đại lý phát hành chứng khoán, tự doanh chứng khoán, môi giới chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ "bỏ ngoài giá trị sổ kế toán được ghi nhận trên sao kê 11 tài khoản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình mở tại ngân hàng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2024 (gọi tắt là "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ") được lập trên cơ sở chênh lệch giữa:

- Dòng tiền luân chuyển được ghi nhận trên sổ phụ, sao kê ngân hàng của 11 tài khoản tổng mở tại ngân hàng nhưng không được ghi nhận trong sổ kế toán.
- Và Giao dịch mua, bán chứng khoán được kết xuất từ hệ thống HOS nhưng chưa được giao dịch thanh toán qua tài khoản T+2 (BIDV-1220374846-12210000374846 chi nhánh Hà Thành) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình mở tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam, bù trừ và trả về tài khoản Công ty Chứng khoán mở tại Ngân hàng.

Trong đó:

- ✓ T là ngày giao dịch, còn số theo sau thể hiện ngày mà bên bán nhận được tiền và bên mua được giao dịch chứng khoán đã mua.
T2 hoặc T+2: Nghĩa là tiền sẽ về tài khoản của bên bán và cổ phiếu về tài khoản của bên mua 2 ngày sau giao dịch. Tài khoản này được đăng ký tại Ngân hàng với Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- ✓ Hệ thống HOS (Holds of system): Hệ thống quản lý và thực hiện các nghiệp vụ chứng khoán liên quan đến (Tài khoản, tiền, cổ phiếu, quyền, phân quyền giao dịch, vận hành hệ thống của Công ty Cổ phần chứng khoán Hòa Bình).

3. KỲ BÁO CÁO

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ của Công ty được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2024.

4. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG BÁO CÁO

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ này được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Dòng tiền luân chuyển vào và luân chuyển ra được ghi nhận trên sổ phụ, sao kê ngân hàng của 11 tài khoản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình mở tại ngân hàng. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ này chỉ được Công ty sử dụng cho mục đích đáp ứng yêu cầu Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình và Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và không sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.




Trần Mỹ Linh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025


Nguyễn Phan Trung Kiên
Người lập


Nguyễn Thị Loan
Trưởng Ban KSNB





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

www.uhy.vn

Kiểm toán | Kế toán | Thuế | Tư vấn | Đào tạo